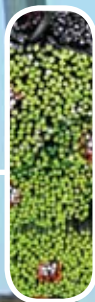




NHÀ PHÂN PHỐI THÉP CHUYÊN NGHIỆP

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2009





SMC



CONTENT

4	GIỚI THIỆU CHUNG
6	THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
8	LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG SMC
13	SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
21	BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
30	CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU NĂM 2009
32	TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
35	CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN
40	CÁC SỰ KIỆN SMC VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỘNG ĐỒNG
45	BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THỊ PHẦN THÉP TOÀN QUỐC
SMC CHIẾM KHOẢNG 4,5%
THỊ PHẦN THÉP TOÀN QUỐC
SMC CHIẾM KHOẢNG 4,5%
THỊ PHẦN THÉP TOÀN QUỐC
SMC CHIẾM KHOẢNG 4,5%

TÂM NHÌN

Là Doanh nghiệp thép uy tín và chuyên nghiệp

SỨ MỆNH

SMC khát khao được cống hiến năng lực và trí tuệ của mình vì sự tin cậy và lợi ích của khách hàng, vì tương lai ổn định và bền vững cho ngành thép Việt Nam.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Chuyên nghiệp trong mọi hoạt động
- Tối đa hóa lợi ích của khách hàng
- Đoàn kết, phấn đấu vì mục tiêu chung
- Đề cao giá trị chữ Tâm trong từng hoạt động
- Uy tín
- Tinh thần học hỏi

GIỚI THIỆU CHUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

396 Ung Văn Khiêm, Phường.25,

Q.Bình Thạnh, Tp.HCM

Điện thoại: (84-8) 38 992 299

Fax: (84-8) 38 980 909

Web: www.smc.vn

CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

CÔNG TY TNHH THÉP SMC

Đường 1 B, KCN Phú Mỹ 1,

Huyện Tân Thành,

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điện thoại: (064) 3922 866

Fax: (064) 3922 469

CÔNG TY TNHH

MTV SMC BÌNH DƯƠNG

Đường 5, KCN Đồng An,

Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: (0650) 3769 526

Fax: (0650) 3783 839

CÔNG TY TNHH

KINH DOANH THÉP SMC

124 Ung Văn Khiêm, P.25,

Q. Bình Thạnh, Tp.HCM

Điện thoại: (84-8) 38 996 067

Fax: (84-8) 35 126 018



CÔNG TY KIỂM TOÁN

CÔNG TY TƯ VẤN & KIỂM TOÁN CA & A

Số 8 Đường C1,
Quận Tân Bình, Tp.HCM, Việt Nam
Điện thoại: (84-8) 62 974 639
Fax: (84-8) 62 974 659
Web: www.caa.vn

THÔNG TIN NIÊM YẾT

Mã cổ phiếu: SMC
Ngày niêm yết: 30/10/2006
Vốn điều lệ(VNĐ): 146.594.630.000

Thông tin khác:
Giấy phép Kinh doanh Số: 4103002772
Mã số thuế: 0303522206

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Quý cổ đông

Năm 2009 là năm đầu tiên cả thế giới trải qua cơn khủng hoảng kinh tế - tài chính với nhiều biến động khó lường. Dự kiến năm 2010, ảnh hưởng của khủng hoảng vẫn còn tiếp tục, tuy nhiên, mọi người đã có sự chủ động hơn, và khả năng ứng phó cũng có kinh nghiệm bài bản hơn. Do vậy, yêu cầu đầu tiên cần quan tâm là phải hết sức cảnh giác, không chủ quan và phải sẵn sàng phòng bị để đáp ứng tốt các khó khăn, thách thức có thể xảy ra bất cứ lúc nào đối với nền kinh tế.

Năm 2010, theo dự báo chung, nền kinh tế thế giới sẽ tăng trưởng tốt hơn năm 2009. Tương tự đối với Việt Nam, với tốc độ tăng trưởng GDP dự báo 6,5% so với mức tăng 5,3% của năm 2009, điều này đồng nghĩa thị trường tiêu thụ thép sẽ gia tăng từ 9 đến 10% so với năm 2009, tương đương sản lượng tăng thêm một triệu tấn. Điều này mở ra nhiều cơ hội cho sự tăng trưởng của SMC.

Với phương châm và chiến lược phát triển vững chắc, ổn định. Năm 2010 SMC hy vọng vẫn vững vàng và từng bước vươn lên trước mọi thách thức nhằm theo kịp các diễn biến thay đổi và sẵn sàng ứng phó với các cơ hội mới.

ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2010:

- Khẳng định vị thế SMC trên thương trường ngành thép, thông qua các thế mạnh về kinh nghiệm, uy tín, thương hiệu, năng lực, quy mô và tính chuyên nghiệp sẵn có, đặc biệt chú ý năng lực về thiết bị kho tàng và nguồn lực tài chính, là những lợi thế cạnh tranh vững chắc.
- Không ngừng phát huy và nâng cao chất lượng hoạt động của các đơn vị thành viên, dựa trên nền tảng thương hiệu SMC để từng bước phát triển vững mạnh, lấy thương mại làm cốt lõi cho toàn bộ hoạt động và lấy đầu tư tạo nguồn hiệu quả vững chắc và lâu dài.

- Phát huy tối đa lợi thế các mặt sẵn có, đặc biệt lợi thế về quan hệ và nguồn vốn tài chính, chủ động và tích cực tạo dựng các cơ hội kinh doanh, đặc biệt chú ý đến hoạt động nhập khẩu, chủ yếu là thép tấm và thép lá các loại.
- Điều phối các mối quan hệ nội bộ thống nhất và hợp lý, nhất là giữa các đơn vị thành viên và SMC, tạo nên thế mạnh tổng hợp và năng động hướng đến một mục tiêu chung và một lợi ích chung.
- Chủ động tiến hành nhập thép để kinh doanh, không xem nặng nhập khẩu ủy thác, năm 2010 đưa nhà máy gia công cán nóng vào hoạt động, chủ yếu dựa vào năng lực kinh doanh và bán hàng tham gia thị trường, không tập trung vào gia công, nhanh chóng khẳng định vị thế của nhà máy này trên thương trường.

“Lửa thử vàng, gian nan thử sức”. Tôi tin tưởng sâu sắc rằng SMC sẽ vững vàng vượt qua mọi khó khăn và sẽ trưởng thành hơn, mạnh mẽ hơn và bứt phá nhanh hơn.

Thay lời kết

Thay mặt Hội đồng quản trị SMC, tôi xin có lời cảm ơn sâu sắc gửi tới toàn thể quý cổ đông, khách hàng, đối tác kinh doanh đã tin cậy và hợp tác cùng SMC để có sự phát triển mạnh mẽ và bền vững trong những năm qua và trong những năm tiếp theo. Năm 2010 chắc chắn sẽ còn nhiều khó khăn ở phía trước khi nền kinh tế toàn cầu đang trên đà hồi phục. Tuy nhiên, SMC sẽ cố gắng làm hết sức mình vì sự đóng góp quý báu, sự cổ vũ và niềm tin của quý vị dành cho SMC.



Nguyễn Ngọc Anh
Chủ tịch HĐQT





LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG SMC

HƠN 20 NĂM HOẠT ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN

Các mốc sự kiện SMC:

- 1988 thành lập Cửa hàng vật liệu xây dựng số 1
- 2004 chuyển thành Cty cổ phần đầu tư - thương mại SMC
- 2006 chính thức lên sàn giao dịch và niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM

Cùng với quá trình phát triển của Đất nước, SMC đã có hơn 20 năm tham gia cung cấp thép cho nhiều công trình lớn, công trình trọng điểm quốc gia, các công trình có vốn đầu tư nước ngoài. SMC đã trở thành đối tác tin cậy của nhiều chủ đầu tư, đơn vị thi công xây dựng, các nhà sản xuất hàng gia dụng, cơ khí và nội thất hàng đầu trong nước và quốc tế.

Điểm khác biệt của SMC

- Thỏa mãn nhu cầu của khách hàng
- Cung cấp các sản phẩm đúng theo tiêu chuẩn
- Giao hàng đảm bảo an toàn và đúng thời hạn
- Tư vấn các giải pháp chuyên nghiệp

...SMC không ngừng đầu tư, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh để cung cấp cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ có chất lượng tốt nhất. SMC cung cấp cho khách hàng nhiều chủng loại thép đa dạng như: thép gân, thép cuộn, thép hình U, I, V, H, thép tấm cán nóng, tole cuộn mạ màu,... sử dụng trong xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thép lá cán nguội sử dụng trong ngành hàng gia dụng và nội thất; Và các loại thép đặc biệt sử dụng trong công nghiệp chế tạo. Hiện SMC là nhà phân phối thép chính thức của các nhà sản xuất thép hàng đầu tại Việt Nam như:

- Tổng Công Ty Thép Việt Nam
- Công ty Thép Vinakyoei
- Công ty Thép Pomina
- Công ty Thép Posco Việt Nam
- Công ty Thép Cán Nguội Phú Mỹ
- Công ty Thép Sunsteel
- Công ty Thép Tây Đô

...SMC không ngừng đầu tư, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh để cung cấp cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ có chất lượng tốt nhất.

Sự phát triển của SMC là không ngừng quan trọng nhất là luôn giữ vững được tốc độ tăng trưởng cao trong xu hướng ổn định, vững chắc, có chất lượng cao.

NHỮNG CON SỐ

ẢN TƯỢNG CỦA NĂM 2009

5

năm cổ phần hóa của SMC có thể tóm tắt những thành tích nổi bật như sau:

- Lợi nhuận tăng trưởng luôn cao hơn 30% so với vốn điều lệ.
 - Lợi nhuận sau thuế tăng gấp 10 lần.
 - Thu nhập bình quân CBNV tăng gấp 3 lần.
- Tài sản cố định tăng hơn 100 lần.

21

năm thành lập và phát triển:

Thương hiệu SMC đã có hơn 21 năm tham gia cung cấp thép cho nhiều công trình lớn, công trình trọng điểm quốc gia, các công trình có vốn đầu tư nước ngoài.

SMC đã trở thành đối tác tin cậy của nhiều chủ đầu tư, đơn vị thi công xây dựng, các nhà sản xuất hàng gia dụng, cơ khí và nội thất hàng đầu trong nước và quốc tế.

500.000

tấn thép SMC đạt được năm 2009:

So với mục tiêu kế hoạch 360.000 tấn thép, SMC đã hoàn thành vượt mức rất cao, đây cũng chính là mục tiêu chiến lược đến năm 2010 mà SMC đã vượt trước 01 năm. Xa hơn, đến năm 2015, SMC đặt mục

tiêu sẽ phân phối khoảng 800.000 tấn thép/năm và tiến đến 1 triệu tấn vào những năm tiếp theo.

Từ những thành quả trên, đã đưa SMC tiến lên một bước dài trên thương trường, tạo lập vị thế mới, mà hôm nay kết quả này là một minh chứng cụ thể. Đó là do sự nỗ lực không ngừng của toàn thể CBCNV, kết tinh đậm nét ở Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều Hành thể hiện qua vai trò chủ đạo quyết liệt, linh hoạt, kịp thời, có mục tiêu phương hướng chính xác, hợp lý trên cơ sở căn trọng và nghiêm túc, luôn đặt lợi ích của cộng đồng, của tập thể lên trên hết.

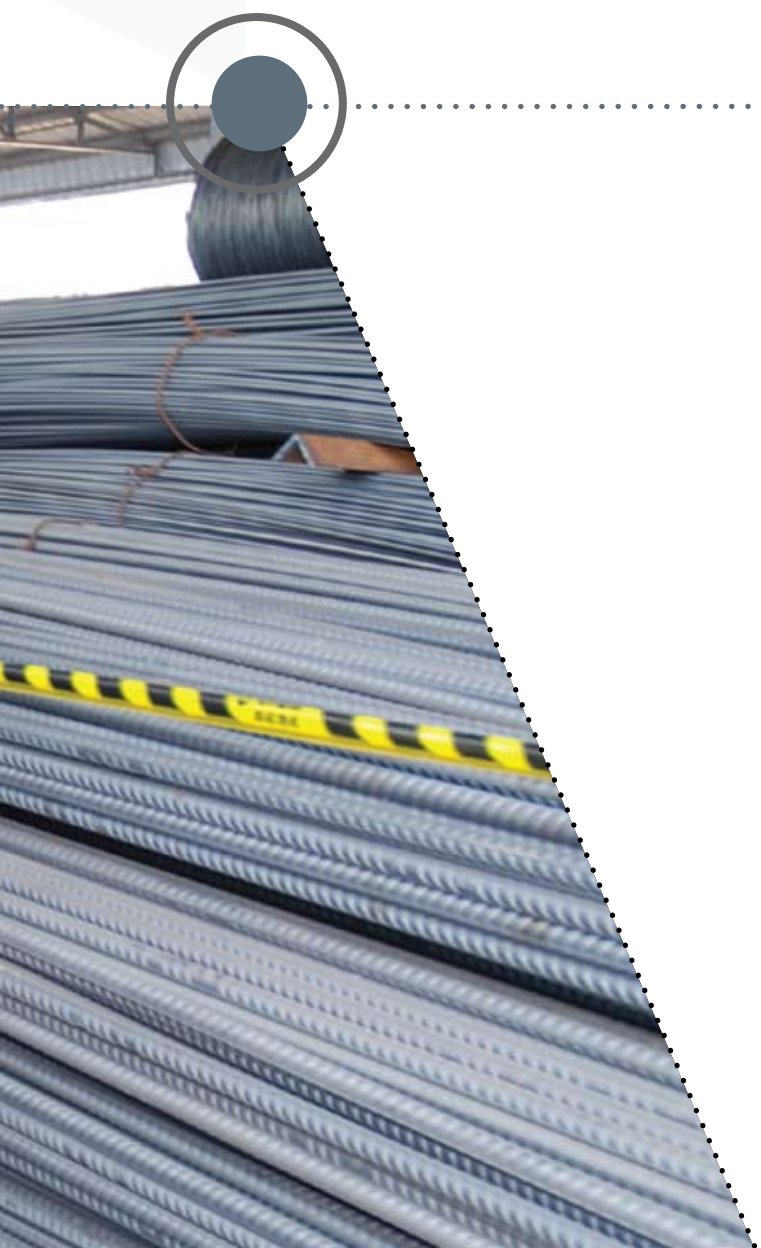
HƠN 20 NĂM HOẠT ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN



Nguyễn Mạnh Cường
Phó Chủ tịch Công Đoàn
Công Thương Việt Nam

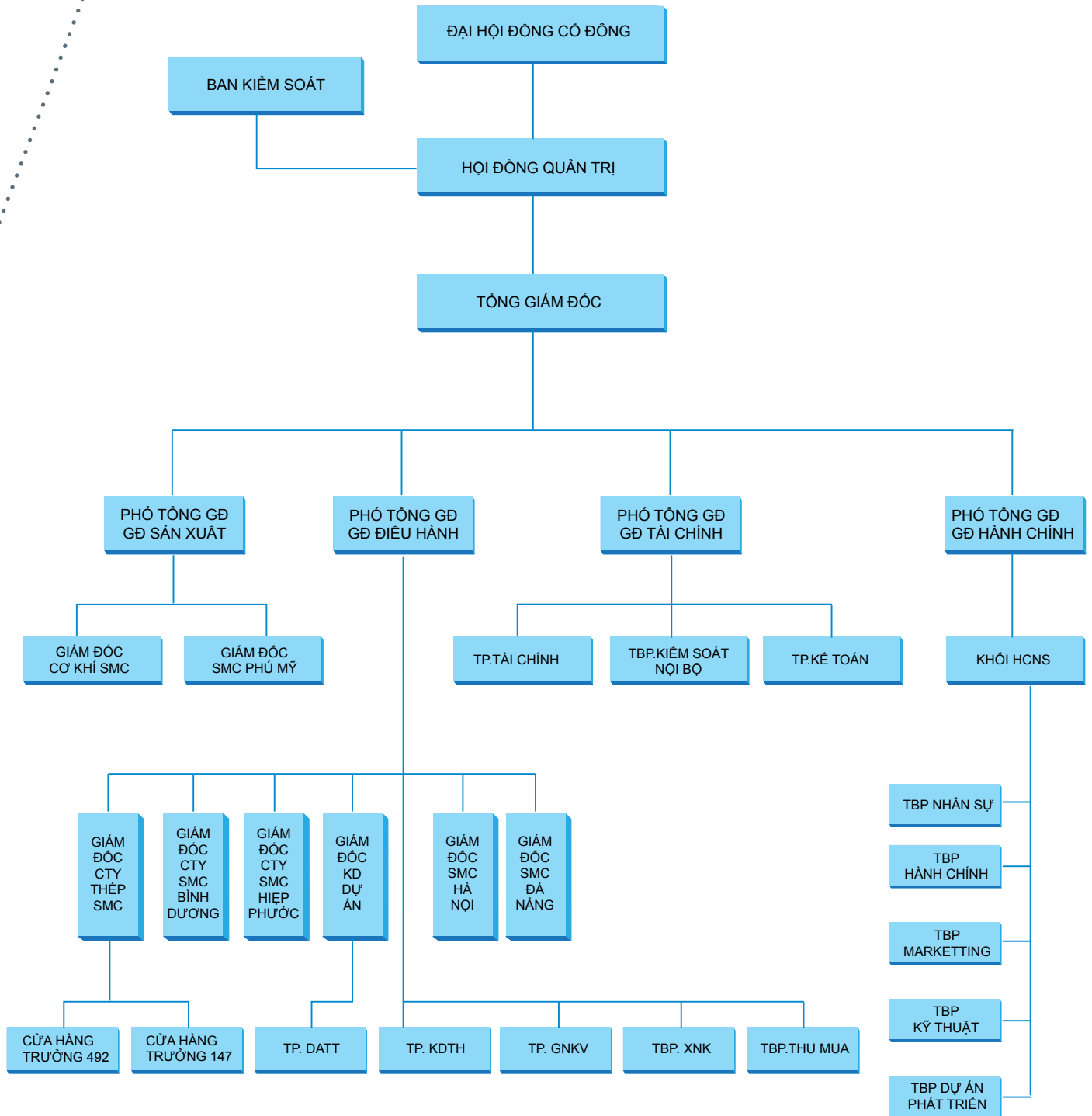
Nguyễn Cẩm Tú
Thứ Trưởng Bộ Công Thương

“Lửa thử vàng,
gian nan thử
sức”. Tôi tin
tưởng sâu sắc
rằng SMC sẽ
vững vàng
vượt qua mọi
khó khăn và sẽ
trở thành
hơn, mạnh mẽ
hơn và bứt phá
nhanh hơn.



SMC Binh Duong

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



- 1
- 2
- 3
- 4
- 5

1. ÔNG NGUYỄN NGỌC ANH

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Sinh năm 1957

Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Tài chính

Ông Nguyễn Ngọc Anh được đề bạt vào chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại SMC năm 2004.

Ông đã được các tổ chức xã hội phong tặng nhiều danh hiệu cao quý như: Doanh nhân Văn hóa 2008, Doanh nhân Sài Gòn tiêu biểu 2008, Huân chương lao động hạng 3, Nhà lãnh đạo xuất sắc 2008...

Ông còn giữ nhiều chức vụ ở các công ty khác như: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cơ khí Chiến Thắng, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Khang, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất...

2. BÀ NGUYỄN THỊ NGỌC LOAN

Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị

Sinh năm 1961

Tốt nghiệp Cao đẳng chuyên ngành Quản trị kinh doanh

Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan được đề bạt làm Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ năm 2004.

Bà đã được các tổ chức xã hội và nhà nước phong tặng nhiều danh hiệu cao quý như: Huân chương Lao động hạng III của Chủ tịch nước khen tặng năm 2007, Nữ doanh nhân vì sự tiến bộ của cộng đồng năm 2008, Nữ doanh nhân Việt Nam tiêu biểu 2008 (Cúp Bông hồng Vàng)...

3. ÔNG NGUYỄN VĂN TIẾN

Thành viên Hội đồng Quản trị

Sinh năm 1953

Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Kinh tế Thương nghiệp

Ông Nguyễn Văn Tiến được đề bạt làm Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty vào năm 2004.

Ông đã gặt hái được nhiều giải thưởng, bằng khen như: Bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam năm 2008, Chiến

sĩ thi đua cấp bộ Công thương năm 2007, Bằng khen Công đoàn Công thương Việt Nam các năm 2005, 2006, 2007...

4. ÔNG MA ĐỨC TÚ

Thành viên Hội đồng Quản trị

Thành viên độc lập không điều hành

Sinh năm 1958

Tốt nghiệp Đại học Ngân hàng chuyên ngành Tài chính Tín dụng

Ông Ma Đức Tú được bổ nhiệm vào chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại SMC năm 2008.

Hiện tại ông cũng đang giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức, Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Địa ốc 9.

5. ÔNG VÕ HỮU TUẤN

Thành viên Hội đồng Quản trị

Thành viên độc lập không điều hành

Sinh năm 1974

Tốt nghiệp Đại học Kỹ thuật Sydney chuyên ngành Tài chính & Ngân hàng

Ông Võ Hữu Tuấn đang trong thời gian hoàn thành chương trình Thạc sĩ về Tài chính Ngân hàng của trường Đại học Applied Sciences, Northwestern, Thụy sĩ.

Ông Võ Hữu Tuấn được bổ nhiệm vào chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại SMC năm 2008.

Hiện tại ông cũng đang giữ chức vụ Phó tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.

BAN KIỂM SOÁT



1



2



3



1. ÔNG ĐÀO VIỆT THẮNG

Trưởng ban Kiểm soát

Sinh năm 1963

Tốt nghiệp Trung cấp chuyên ngành Xuất nhập khẩu

Ông Đào Việt Thắng được bổ nhiệm làm Trưởng ban Kiểm soát năm 2008.

Hiện tại ông còn giữ chức vụ Giám đốc Công ty TNHH một thành viên SMC Bình Dương.

2. BÀ HỒ THỊ NGỌC TUYẾT

Thành viên ban Kiểm soát

Sinh năm 1975

Tốt nghiệp Đại học Sư phạm chuyên ngành Ngoại ngữ.

Bà Hồ Thị Ngọc Tuyết được bổ nhiệm làm Thành viên ban Kiểm soát năm 2008. Hiện tại bà còn giữ chức vụ Phó phòng Kinh doanh Tổng hợp Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại SMC.

3. BÀ VŨ THỊ THANH QUYÊN

Thành viên ban Kiểm soát

Thành viên độc lập không điều hành

Sinh năm 1981

Nhiệm kỳ: 2007 - 2011

Cử nhân kinh tế - Trường đại học Kinh Tế thành phố Hồ Chí Minh

Trưởng nhóm kiểm toán - Công ty TNHH KPMG

Trưởng Phòng Phân tích - Công ty Chứng khoán Bảo Việt - CN Thành phố HCM

Hiện đang giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương Mại SMC



1. ÔNG NGUYỄN NGỌC ANH

Tổng Giám đốc

Sinh năm 1957

Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Tài chính

Ông Nguyễn Ngọc Anh là một trong những người có công sáng lập ra SMC.

Với kinh nghiệm hơn 20 năm hoạt động trong ngành thép, ông đã đưa SMC lên một tầm cao mới, một vị thế mới trong lĩnh vực phân phối thép ở Việt Nam.

Ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Công ty từ năm 2007.



2. BÀ NGUYỄN THỊ NGỌC LOAN

Phó Tổng Giám đốc thứ I

Sinh năm 1961

Tốt nghiệp Cao đẳng chuyên ngành Quản trị kinh doanh

Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan được đề bạt chức vụ Giám đốc Điều hành từ năm 2007, phụ trách phát triển kinh doanh của toàn Công ty.

Năm 2008 bà được bổ nhiệm làm Phó tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC.



3. ÔNG NGUYỄN VĂN TIẾN

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm 1953

Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Kinh tế Thương nghiệp

Ông Nguyễn Văn Tiến được bổ nhiệm làm Giám đốc Hành chính từ năm 2007.

Năm 2008 ông được đề bạt làm Phó tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

4. ÔNG VÕ HOÀNG VŨ

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm 1978

Tốt nghiệp Đại học Kinh tế chuyên ngành Quản trị Kinh doanh.

Ông Võ Hoàng Vũ được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty TNHH Thép SMC từ năm 2007, phụ trách phát triển sản xuất, gia công các sản phẩm thép tấm lá, thép hình, các loại lưới thép, cốt thép...

Năm 2008 ông được đề bạt vào chức vụ Phó tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC.



4

5. ÔNG NGUYỄN BÌNH TRỌNG

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm 1963

Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Kế Toán

Ông Nguyễn Bình Trọng được đề bạt làm Giám đốc Tài chính từ năm 2007, phụ trách toàn bộ các hoạt động về quản lý rủi ro tài chính, phát triển các hoạt động đầu tư, hoạch định các chiến lược tài chính ngắn, trung và dài hạn, thiết kế thương vụ, và là người truyền thông tài chính của doanh nghiệp.

Năm 2008 ông được bổ nhiệm làm Phó tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC.



5

6. ÔNG NGUYỄN VĂN LÂM

Kế toán trưởng

Sinh năm 1964

Tốt nghiệp Đại học Kinh tế chuyên ngành Tài chính Kế toán.

Ông Nguyễn Văn Lâm gia nhập vào SMC từ năm 2003.

Đến năm 2004 ông được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng có nhiệm vụ tham mưu và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Tổng giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hạch toán, kế toán; đồng thời quản lý việc sử dụng các nguồn vốn của Công ty hợp lý, có hiệu quả, đúng mục đích, đúng pháp luật.



6





BÁO CÁO HĐQT VÀ BTGD

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2009

TÓM TẮT KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2009

Hơn 20 năm thành lập và phát triển cũng là khoảng thời gian Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại SMC vượt qua những khó khăn, thử thách để tồn tại và khẳng định thương hiệu trong ngành thép Việt Nam. Bộ máy quản trị linh hoạt, năng động, tận tâm cộng với một đội ngũ cán bộ nhân viên nhiệt tình luôn ra sức phấn đấu vì sự nghiệp phát triển chung của công ty SMC.

Trong thời gian qua, SMC đã có những bước tăng trưởng vững chắc cả về chất và lượng, bao gồm những yếu tố cụ thể như uy tín và giá trị thương hiệu được nâng cao rõ rệt, lượng khách hàng lớn ngày càng nhiều, giữ vững thị phần cao trong khu vực dự án có vốn đầu tư nước ngoài và chiếm vị trí rất tốt trong ngành thép cả nước. Do dự báo chính xác và ứng xử kịp thời hợp lý, SMC đã đạt hiệu quả khá cao so với trung bình ngành, mở ra nhiều cơ hội mới cho việc phát triển và mở rộng của công ty.

Trong điều kiện kinh tế năm 2009 gặp nhiều khó khăn, SMC đã đạt cột mốc doanh thu lịch sử là 5.264 tỷ đồng, hoàn thành 131,6% kế hoạch năm và tăng trưởng khả quan 24,9% so với năm 2008. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 72,4 tỷ đồng, tăng nhẹ 0,6% so với năm trước, và đem lại cho cổ đông mức lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu là 5.768 đồng. Mức lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu năm 2009 giảm 13,3% so với năm 2008 do trong năm 2009 công ty đã thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 3:1 nâng vốn điều lệ từ 110 tỷ lên 146,5 tỷ đồng.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2008	Thực hiện 2009	Tăng trưởng (%)
Doanh thu thuần hợp nhất(tỷ đồng)	4.214	5.264	24,9%
LNST của cổ đông công ty mẹ(tỷ đồng)	71.97	72.42	0,6%
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng)	6.652	5.768.	-13,3%

THỰC HIỆN NGHĨA VỤ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Trong năm 2009, SMC đã nộp vào Ngân sách Nhà nước hơn 87 tỷ đồng.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Cùng với sự phục hồi của thị trường tài chính chứng khoán trong năm 2009, công ty đã thực hiện cơ cấu lại danh mục đầu tư của mình cũng như ghi nhận sự hoàn nhập 17 tỷ cho dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn và dài hạn.

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG

Trong các năm qua, SMC đã không ngừng tăng trưởng và phát triển vượt bậc không chỉ về doanh thu và lợi nhuận mà còn về quy mô vốn và tài sản nhằm đảm bảo đáp ứng kịp thời cho nhu cầu tăng trưởng và mở rộng hoạt động kinh doanh sản xuất ngày càng lớn của công ty. Tuy nhiên ảnh hưởng tiêu cực của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã làm giảm tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của công ty trong năm 2009 so với các năm về trước.



Chỉ tiêu	2007	2008	2009
Tăng trưởng doanh thu thuần	57,1%	40,5%	24,9%
Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế	137,7%	53,9%	1,1%
Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	104,1%	55,9%	0,6%
Tăng trưởng vốn điều lệ	66,6%	10,0%	33,3%
Tăng trưởng tổng tài sản	43,3%	32,0%	108,1%

TỶ SUẤT SINH LỜI

Với đặc thù của một công ty kinh doanh thương mại, tỷ suất sinh lời của SMC tương đối khiêm tốn hơn so với các doanh nghiệp sản xuất cùng ngành. Do tốc độ tăng trưởng doanh thu, tổng tài sản, và vốn chủ sở hữu đều cao hơn tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trong năm 2009 làm cho các tỷ suất lợi sinh lời trong năm 2009 có phần giảm sút so với năm 2008. Mặc dù vậy, sự cải thiện các tỷ suất sinh lời này có thể được nhìn nhận khá rõ nét qua từng năm.

Chỉ tiêu	2007	2008	2009
Lợi nhuận gộp/Doanh thu	2,2%	4,0%	2,7%
Lợi nhuận thuần/Doanh thu	1,1%	1,7%	1,4%
Lợi nhuận thuần/Tổng tài sản (ROA)	6,0%	9,6%	4,6%
Lợi nhuận thuần/Vốn chủ sở hữu (ROE)	17,5%	27,8%	23,2%

KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Với năng lực tài chính lành mạnh và được kiểm soát tốt, SMC luôn đảm bảo khả năng thanh toán nợ ngắn hạn được duy trì ở mức an toàn qua các năm. Cụ thể, tỷ suất thể hiện khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán nhanh bình quân của công ty trong 3 năm gần nhất lần lượt đạt 1,19 lần và 0,95 lần.

Chỉ tiêu	2007	2008	2009
Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	1,33	1,19	1,04
Khả năng thanh toán nhanh (lần)	1,08	0,98	0,76

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

SMC đạt hiệu quả hoạt động khá tốt và ổn định trong hai năm 2007-2008. Tuy nhiên các yếu tố khó khăn về vĩ mô nói chung và về ngành nói riêng đã ảnh hưởng phần nào đến hiệu quả hoạt động của công ty trong năm 2009. Doanh thu thuần 2009 chỉ tăng trưởng gần 25% trong khi tổng tài sản 2009 tăng trưởng đến 108% làm cho tỷ suất vòng quay tài sản trong năm giảm xuống 3,4 lần từ mức 5,6 lần của năm 2008. Giá trị các khoản phải thu của khách hàng, và giá trị hàng tồn kho cuối năm 2009 cũng tăng mạnh so với các năm trước đó kéo theo sự gia tăng đáng kể của kỳ thu tiền, và thời gian tồn kho bình quân trong năm.

Chỉ tiêu	2007	2008	2009
Vòng quay tài sản (lần)	5,3	5,6	3,4
Kỳ thu tiền bình quân (ngày)	25	18	48
Thời gian tồn kho bình quân (ngày)	11	9	24
Kỳ thanh toán bình quân (ngày)	43	40	37

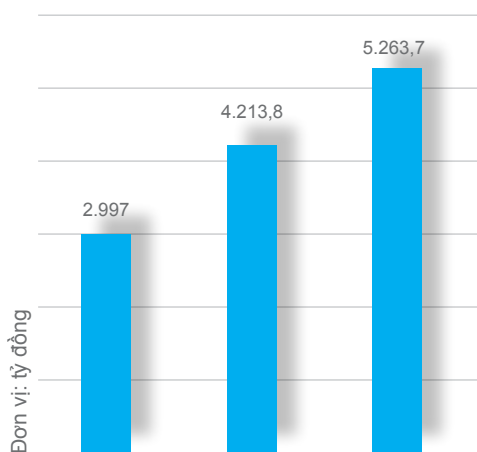
CƠ CẤU DOANH THU THEO GIÁ TRỊ TIÊU THỤ (TỶ ĐỒNG)

	2007	2008	2009
Thép xây dựng	2.505,0	3.617,0	3.908,9
Thép hình	144,0	119,6	122,0
Thép tấm	146,0	169,7	745,1
Chỉ tiêu (tỷ đồng)	0,0	18,5	37,4
Thép lá, tôn mạ màu	179,0	256,3	420,0
Các loại khác	23,0	32,7	30,2
Cộng	2.997,0	4.213,8	5.263,7

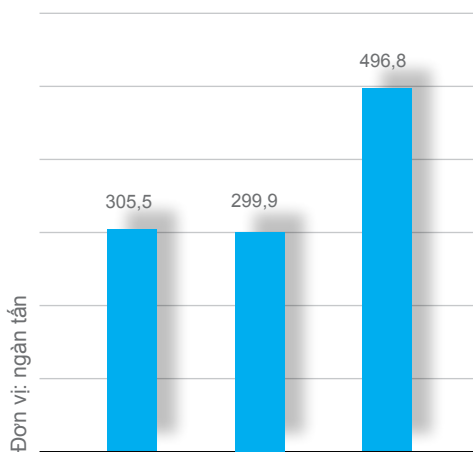
CƠ CẤU DOANH THU THEO SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ (NGÀN TẤN)

Chỉ tiêu (ngàn tấn)	2007	2008	2009
Thép xây dựng	261,0	259,0	370,8
Thép hình	14,0	8,0	10,5
Thép tấm	15,0	14,0	72,8
Lưới thép hàn	0,0	1,2	3,3
Thép lá, tôn mạ màu	14,5	16,2	37,1
Các loại khác	1,0	1,6	2,4
Cộng	305,5	299,9	496,8

Doanh thu theo giá trị tiêu thụ



Doanh thu theo sản lượng tiêu thụ



TRIỂN VỌNG VÀ PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Năm 2010, theo dự báo chung, nền kinh tế thế giới sẽ tăng trưởng tốt hơn năm 2009. Tương tự đối với Việt Nam, tốc độ tăng trưởng GDP được dự báo là 6,5% so với mức tăng 5,3% của năm 2009, điều này đồng nghĩa thị trường tiêu thụ thép sẽ gia tăng từ 9 đến 10% so năm 2009, tương đương sản lượng tăng thêm một triệu tấn. Điều này mở ra nhiều cơ hội cho sự tăng trưởng của SMC thông qua việc SMC luôn nỗ lực đi đầu trong việc đầu tư để tạo ra những sản phẩm có giá trị gia tăng phục vụ cho người dân và doanh nghiệp Việt Nam. Việc đưa vào hoạt động dây chuyền gia công cắt xẻ bằng thép cán nóng được nhập khẩu từ Đài Loan có khả năng xử lý thép cán nóng đến 14 ly, lần đầu tiên được lắp đặt tại Việt Nam đã thể hiện cam kết đó.

CÔNG NGHỆ VƯỢT TRỘI, TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC

Dây chuyền gia công cắt xẻ bằng thép cán nóng mà SMC vừa đưa vào hoạt động có tổng công suất khoảng 200.000 tấn/năm. Hiện SMC đã hoàn thành xong giai đoạn 1 và đang trong quá trình sản xuất thử nghiệm. Đầu tháng 3-2010, trung tâm coil center chuyên về thép cán nóng của SMC đã chính thức đi vào hoạt động.

Theo ông Nguyễn Ngọc Anh, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại SMC, dây chuyền sản xuất nói trên có thể thực hiện việc cắt xẻ bằng thép cán nóng với độ dày từ 3 – 14 ly. Trong khi đó, các nhà máy khác tại Việt Nam hiện nay chỉ có thể thực hiện được độ dày tối đa là 6 ly. Như vậy, với dây chuyền công nghệ mới của Đài Loan, các sản phẩm của Nhà máy Cơ khí SMC sẽ có những ưu điểm vượt trội và phạm vi ứng dụng rộng hơn so với sản phẩm của các nhà máy khác.

“Với độ dày lên đến 14 ly, các sản phẩm của Nhà máy Cơ khí SMC không chỉ được sử dụng trong các lĩnh vực dân dụng thông thường mà còn ứng dụng tốt trong các công trình xây dựng có kết cấu nặng như dầm thép công nghiệp, nhà cao tầng, sản xuất các loại thép hình quy cách lớn thay thế hàng nhập khẩu, khung nhà thép tiền chế.

Trên thực tế, hiện nay ở Việt Nam, việc xây dựng các công trình lớn thường gặp khá nhiều khó khăn do thiếu các sản

phẩm thép cán nóng cắt sẵn có độ dày lớn. Chính vì vậy, việc đưa dây chuyền mới vào hoạt động ở thời điểm này không chỉ thể hiện tầm nhìn kinh doanh sắc sảo của SMC mà còn là một tin vui đối với các doanh nghiệp hoạt động trong những lĩnh vực kể trên. Riêng với lĩnh vực chế tạo nhà thép tiền chế, bên cạnh chức năng gia công và cung cấp dịch vụ cho các đơn vị khác, trong tương lai không xa SMC cũng sẽ tính đến việc sản xuất các dầm I, H, các khung dầm kết cấu lớn để cung cấp cho thị trường. Đại diện SMC phát biểu: “Đây là một tín hiệu tốt cho ngành hàng này trong hiện tại và tương lai. Trong quá trình hoạt động, SMC luôn hướng đến việc đáp ứng tất cả các nhu cầu về gia công thép của các doanh nghiệp”. Hơn thế nữa, với chủ trương phát triển và xây dựng nền kinh tế công nghiệp hóa của nhà nước, nhu cầu sử dụng các sản phẩm thép đã qua chế biến của ngành công nghiệp phụ trợ sẽ rất lớn và đòi hỏi chất lượng cao nên rất cần những doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư công nghệ chế biến thép như SMC.

HỢP TÁC ĐỂ PHÁT TRIỂN

Trong lĩnh vực gia công chế biến thép, sau hơn 20 năm hoạt động, SMC đã thiết lập được mối quan hệ rất tốt với các nhà sản xuất lớn trong và ngoài nước. Do đó, hiện nay SMC luôn chủ động được các mặt hàng thép tấm cán nóng và thép lá cán nguội của các nhà sản xuất lớn như Posco (Hàn Quốc), China Steel (Đài Loan), Nippon Steel (Nhật Bản). Song song đó, SMC cũng đã mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài nhằm tìm kiếm nguồn hàng có chất lượng tốt và giá thành hợp lý để cung cấp cho thị trường trong nước. Các doanh nghiệp trong nước hiện chỉ mới đáp ứng được 30% nhu cầu thép tiêu thụ, còn lại 70% phải nhập khẩu từ nước ngoài. Đây chính là cơ hội lớn và cũng là thách thức không nhỏ dành cho SMC và các doanh nghiệp cùng ngành.

Đối với SMC, nhằm đón đầu sự phát triển của nền kinh tế, thời gian tới bên cạnh việc đầu tư thêm các dây chuyền sản xuất hiện đại để tạo ra giá trị gia tăng thêm cho sản phẩm thép, công ty cũng sẽ tiếp tục hợp tác chặt chẽ với các đối tác sẵn có và phát triển thêm các mối quan hệ mới. “Chỉ khi tạo ra được những giá trị mới cho sản phẩm thì doanh nghiệp mới có thể tồn tại trong cuộc cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Và việc mở rộng quan hệ hợp tác của SMC không chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu đó mà còn vì quyền lợi của người tiêu dùng trong nước”, ông Ngọc Anh nói.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA SMC NĂM 2010 VÀ TƯƠNG LAI

NĂM 2010

• Doanh thu:	tối thiểu	5.500 tỉ VND
• Tiêu thụ thép các loại	tối thiểu	500.000 tấn
• Lợi nhuận sau thuế:		80 tỉ VND
• Chi trả cổ tức bằng tiền mặt:		16% VĐL
• Tốc độ tăng trưởng	tối thiểu	10% so năm trước

CÁC NĂM TIẾP THEO

Mục tiêu chiến lược đến năm 2015

• Doanh thu:		10.000 tỉ VND
• Sản lượng thép tiêu thụ		800.000 tấn/năm
• Lợi nhuận sau thuế:		200 tỉ VND
• Chi trả cổ tức bằng tiền mặt:	tối thiểu	16% năm

SẢN LƯỢNG THÉP TIÊU THỤ

	Sản lượng	Tỉ lệ
Thép xây dựng các loại	550.000 tấn	68,75%
Thép tấm cán nóng	150.000 tấn	18,75 %
Thép lá cán nguội, mạ kẽm, điện	120.000 tấn	15,00 %
Thép hình H,I,U,V	20.000 tấn	2,50 %
Thép khác	10.000 tấn	1,25%
	800.000 tấn	100%

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG

- SMC: chủ đạo toàn bộ ngành thép xây dựng (thép thanh, thép cuộn)
- Thép SMC Phú Mỹ: kinh doanh và gia công chế biến thép lá các loại (thép lá cán nguội, mạ điện, mạ kẽm, inox...) sản xuất lưới thép hàn.
- Cơ khí Thép SMC: kinh doanh và gia công chế biến thép tấm cán nóng các loại.
- SMC Bình Dương: kinh doanh các loại thép tấm cán nóng và thép hình
- SMC Hiệp Phước: kinh doanh các loại thép nhập khẩu, logistics và gia công chế biến thép tấm cán nóng các loại.

NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ

- Minh bạch, công khai, chấp hành đúng pháp luật và các quy định của nhà nước.
- Tuyệt đối không để xảy ra xung đột, mâu thuẫn lợi ích.
- Tôn trọng, lắng nghe ý kiến đóng góp của các nhà đầu tư và các cổ đông.
- Thực hiện và hoạt động theo đúng mục tiêu, phương hướng đã đề ra.



DỰ ÁN QUAN TRỌNG NĂM 2009

DỰ ÁN HIỆP PHƯỚC (CTY TNHH MTV SMC HIỆP PHƯỚC)

Địa chỉ: Lô C5A khu C, KCN Hiệp Phước,
Huyện Nhà Bè

Diện tích đất đã có sổ hồng: 10.162,3m²

Dự án đầu tư xây dựng SMC Hiệp Phước với mục tiêu gia công, sản xuất các sản phẩm lưới thép, cốt thép từ thép xây dựng, các sản phẩm thép tấm, thép lá theo yêu cầu tại KCN Hiệp Phước.

Sản phẩm do Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước gia công, cán, cắt,... nhằm phục vụ các doanh nghiệp sử dụng kết cấu thép như: nhà tiền chế, công nghiệp đóng tàu, điện lực, công nghiệp khí, cơ khí, ô tô và các phụ tùng linh kiện bằng thép.

Dự kiến dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng cuối năm 2010.

DỰ ÁN CƠ KHÍ THÉP (CTY TNHH MTV CƠ KHÍ THÉP SMC)

Tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, thành phố Bà Rịa - Vũng Tàu, với số vốn đầu tư là hơn 225 tỷ đồng. Thời gian hoàn vốn của dự án là 4 năm.

Công ty đi vào hoạt động góp phần giải quyết công ăn việc làm cho 124 lao động với mức lương bình quân là 5.300.000đồng/người/tháng. Đóng góp ngân sách nhà nước trong 10 năm đầu của dự án đạt 105,5 tỷ đồng.

Như vậy, năm 2010, SMC sẽ hoàn tất và đưa vào sử dụng dự án nhà máy cơ khí thép với tổng diện tích 5,4 ha, bao gồm 2,0 ha nhà xưởng với hệ thống Coil Center thép cán nóng có độ dày đến 20mm, như vậy hệ thống Coil Center của SMC đã khá hoàn chỉnh với các sản phẩm thép có độ dày từ 0,2mm đến 20mm, chiều rộng đến 2 mét.

Điều này góp phần tăng cường thêm chức năng gia công chế biến của SMC. Tại dự án này, hệ thống kho với 15000m² sẽ góp phần giải tỏa áp lực do thiếu kho trong quý 4/2009.

VĂN PHÒNG CTY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

Với qui mô đầu tư hơn 60 tỷ VNĐ 2070m² diện tích xây dựng với các trang thiết bị hiện đại, văn phòng SMC đảm bảo cung cấp văn phòng làm việc cho hơn 200 người, đáp ứng nhu cầu sử dụng và kết nối giữa SMC và các công ty thành viên hiện tại, phù hợp với nhu cầu phát triển trong 5 năm tiếp theo

NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT TRONG NĂM 2009

Để phục vụ nhu cầu phát triển và đón đầu cơ hội thị trường, Cty SMC đã ký hợp đồng thuê đất tại khu công nghiệp Hiệp Phước, TPHCM, và tiến hành đăng ký kinh doanh thành lập **Công ty Một Thành Viên SMC Hiệp Phước**.

Vốn đăng ký của công ty mới là 30 tỉ đồng nhưng vốn đầu tư lên tới 60 tỉ đồng. Dự kiến **Nhà máy Gia Công Thép SMC** sẽ bắt đầu hoạt động từ năm 2010. Nhà nước đang có chủ trương phát triển Cảng Hiệp Phước thành một cảng quy mô lớn và hiện đại trong khi khu đô thị mới Nam Sài Gòn vốn đang ngày một phát triển. Do đó, việc thành lập công ty SMC Hiệp Phước là một bước đi quan trọng để mở rộng khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường trong những năm sắp tới của SMC.

Bên cạnh đó, việc **nhập khẩu dàn máy coil center hiện đại** trong năm qua cũng giúp SMC chuyên môn hóa và nâng cao hơn chất lượng các sản phẩm

thép tấm lá, nhằm đáp ứng tốt nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng. Nhờ vậy, doanh thu từ mảng kinh doanh các sản phẩm thép tấm lá trong năm 2009 đã có sự cải thiện vượt bậc về cả sản lượng tiêu thụ và doanh thu bán hàng, góp phần quan trọng trong việc đa dạng hóa các sản phẩm phân phối và doanh thu lợi nhuận của SMC.

Năm 2009 còn đánh dấu cho sự phát triển về hình ảnh và mở rộng về quy mô của SMC khi công ty chính thức khánh thành và di dời sang **Tòa nhà văn phòng SMC mới** ở tại số 396 Ung Văn Khiêm, Q.Bình Thạnh, TPHCM có diện tích đất là 335 m², diện tích xây dựng hơn 2.700 m², quy mô gồm 1 tầng hầm, 1 tầng trệt, 1 tầng lửng và 6 tầng lầu, 1 sân thượng, được sở hữu 100% bởi SMC.

Đồng thời công ty cũng thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với **tỷ lệ 3:1 bên cạnh 16% cổ tức bằng tiền mặt** nâng vốn điều lệ của SMC từ 110 tỷ đồng lên **146,5 tỷ** trong năm 2009 vừa qua.



CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU NĂM 2009

Bitexco Financial Tower





Cảng SITV



Blooming Park

Time Square





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

HỆ THỐNG NGUỒN NHÂN LỰC VÀ CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ

Năm 2009, cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính thế giới đã tạo ra áp lực nặng nề lên toàn bộ bức tranh kinh tế của Việt Nam nói chung và ngành thép nói riêng. Trong tình hình nguồn tài chính và tín dụng khó khăn, nhiều doanh nghiệp áp dụng các biện pháp tiết giảm chi phí trong đó bao gồm việc tiết giảm nhân sự.

Trong tình hình đó, với phương châm và chiến lược phát triển ổn định và vững chắc, năm 2009, SMC vẫn vững vàng và từng bước vượt lên trước mọi thách thức, đã hoàn thành vượt mức mục tiêu kinh doanh đồng thời đảm bảo tốt cuộc sống cả về vật chất lẫn tinh thần cho toàn thể Cán bộ nhân viên toàn hệ thống Công ty thông qua hệ thống phúc lợi bao gồm tiền lương, tiền thưởng, chế độ đào tạo trong và ngoài nước và các chế độ phúc lợi khác (bảo hiểm sức khỏe, du lịch...). Đến thời điểm 31/12/2009 đội ngũ nhân sự toàn hệ thống SMC là 286 người, tăng 21,6 % so với năm 2008 do sự ra đời của hệ thống các công ty thành viên. Bên cạnh mục tiêu nâng cao chất lượng nhân sự, Công ty còn chú trọng mục tiêu trẻ hóa đội ngũ Cán bộ nhân viên để đẩy mạnh sức trẻ, sự nhiệt huyết, trình độ và kỹ năng tư duy trẻ, hiện nay 70,59% tổng số lao động của Công ty là lao động trẻ dưới 30 tuổi.

Với tốc độ mở rộng và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, từ năm 2007 đến nay, tỷ lệ gia tăng nhân sự bình quân hàng năm là 34%. Định hướng trong năm 2010 SMC sẽ tăng cường đội ngũ quản trị các cấp theo nhu cầu phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn hệ thống Công ty, tiếp tục theo xu hướng trẻ hóa và năng động, duy trì và tăng cường hơn nữa chế độ phúc lợi cho cán bộ nhân viên, bên cạnh đó, đẩy mạnh tổ chức các chuỗi hoạt động gắn kết đội ngũ Cán bộ nhân viên toàn Công ty và gia đình, đưa SMC trở thành ngôi nhà chung lớn mạnh, nơi tất

cả mọi người cùng nhau làm việc, cùng nhau thi đua, cùng nhau học hỏi, cùng nhau chia sẻ, yêu thương và không ngừng phát triển.

Năm 2009, bình quân thu nhập của Ban Giám Đốc Công ty là 31.524.000 đồng/người/tháng, định hướng trẻ hóa đội ngũ quản trị cấp cao, năm 2010 Ban Giám Đốc xây dựng chính sách phát triển nhân tài để bổ sung thêm thành viên, bên cạnh việc được hưởng các chính sách đãi ngộ của Công ty bao gồm: chế độ lương, thưởng, đào tạo và du lịch trong và ngoài nước, các thành viên trong Ban Giám Đốc Công ty còn được hưởng thêm các khoản ưu đãi về cổ phần, cổ phiếu (tùy theo đợt phát hành) nhằm nâng cao đời sống, bảo đảm sức khỏe của các thành viên đồng thời nâng cao trách nhiệm, sự gắn bó và tâm huyết với Doanh nghiệp. Năm 2010 là năm SMC hoạt động với khẩu hiệu “khẳng định về chất” thông qua việc: gia tăng kết quả sản xuất kinh doanh, ngày càng nâng cao tính chuyên nghiệp trong từng hoạt động và quan hệ giao tiếp, hoàn chỉnh và ban hành hệ thống văn hóa doanh nghiệp và liên tục nâng cao chất lượng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008; Đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất kinh doanh trong toàn hệ thống Công ty và nâng cao thể chất và tinh thần thể dục thể thao thông qua việc tổ chức hội thao SMC lần 2.

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC ĐÓN ĐẦU TƯƯƠNG LAI

Trong bối cảnh Việt Nam đang chuyển mình, hồi hã cho hội nhập kinh tế quốc tế thì nguồn nhân lực chất lượng cao, hơn bao giờ hết là mối quan tâm hàng đầu của hầu hết các Doanh nghiệp Việt Nam nói chung và của SMC nói riêng. Đứng trước các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn của doanh nghiệp, việc thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và phát triển nguồn nhân lực sẵn có là một nhiệm vụ vô cùng quan trọng.



Năm 2009, bên cạnh việc xây dựng kế hoạch thu hút và đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, SMC triển khai công tác định biên, sắp xếp lại nhân sự giữa các bộ phận và các công ty thành viên, chi nhánh trực thuộc, tinh gọn bộ máy trên toàn hệ thống nhằm đảm bảo cho mỗi cán bộ nhân viên có điều kiện phát huy hết năng lực, tăng năng suất lao động và đẩy mạnh thi đua sản xuất.

Năm 2010, bên cạnh việc tiếp tục các công tác quản lý nhân sự tương tự năm 2009, SMC còn tập trung đẩy mạnh công tác tuyển dụng và đánh giá chất lượng nhân sự để chọn lọc những cá nhân ưu tú về cho Doanh nghiệp.

Đồng thời, công ty còn đẩy mạnh hoạt động đào tạo về kỹ năng và kiến thức chuyên môn cho đội ngũ CBNV; đẩy mạnh hơn nữa phong trào thi đua học tập và thi đua thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh.

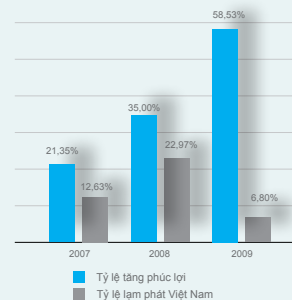
Định hướng mở rộng và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn hệ thống SMC đã tạo ra nhiều cơ hội thăng tiến cho toàn thể đội ngũ Cán bộ nhân viên. Hàng năm SMC tiến hành rà soát nhân sự để quy hoạch đào tạo

phát triển đồng thời đưa ra tiêu chí đánh giá và đề bạt cán bộ để toàn thể nhân viên nắm bắt, thi đua học tập để phát triển nghề nghiệp cá nhân.

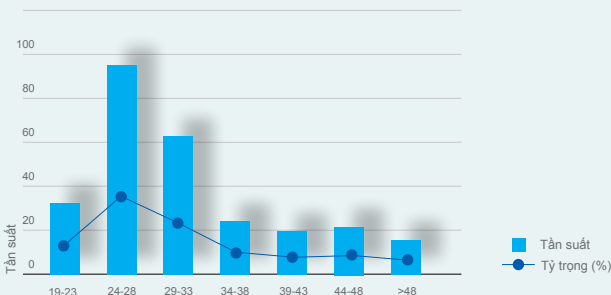
Những thành quả SMC đạt được trong năm 2009 đã khẳng định phương pháp hoạt động của SMC về việc triển khai thực hiện mục tiêu kinh doanh và quản trị nguồn nhân lực an toàn và hiệu quả.

Năm 2010, SMC tiếp tục phát huy và cập nhật những phương pháp mới, tiên tiến để không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, gia tăng hơn nữa lợi ích của khách hàng, của cán bộ công nhân viên và của Cổ đông SMC.

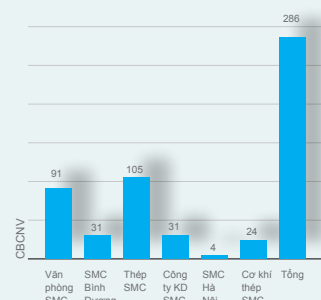
Tỷ lệ tăng phúc lợi VS tỷ lệ lạm phát Việt Nam



Phân loại theo độ tuổi



Nhân sự



Được sự thống nhất của Đại hội đồng Cổ đông về tỷ lệ chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty là 1,5% lợi nhuận sau thuế (lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh). Năm 2009, tổng quỹ thù lao HĐQT; BKS là 918.064.383 đồng, trong đó Ban điều hành đã tiến hành chi thù lao đợt 1 cụ thể như sau:

Họ tên	Chức danh	Tiền thù lao (VNĐ)
Hội đồng quản trị		
Nguyễn Ngọc Anh	Chủ tịch	50.000.000
Nguyễn Thị Ngọc Loan	P. Chủ tịch	45.000.000
Nguyễn Văn Tiến	Thành viên	35.000.000
Võ Hữu Tuấn	Thành viên	35.000.000
Ma Đức Tú	Thành viên	35.000.000
Ban Kiểm soát		
Đào Việt Thắng	Trưởng ban	35.000.000
Hồ Thị Ngọc Tuyết	Thành viên	25.000.000
Vũ Thị Thanh Quyên	Thành viên	25.000.000
Tổng cộng		285.000.000

CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN

SMC



BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY CON

CÔNG TY TNHH THÉP SMC

Công ty TNHH Thép SMC Phú Mỹ (SMC Phú Mỹ) tọa lạc tại khu công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công ty thành lập năm 2006 là thành viên trực thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC. SMC Phú Mỹ là đơn vị được đầu tư chuyên sâu về công nghệ gia công xử lý thép cuộn (Coil Center) và lưới thép hàn nhằm gia tăng tỉ trọng sản phẩm chế biến gia công trong danh mục sản phẩm của SMC, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Kết quả hoạt động năm 2009

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Tăng trưởng
Tài sản ngắn hạn	61.294.662.753	249.069.738.009	306%
Tài sản dài hạn	66.847.174.343	58.255.318.440	-13%
Doanh thu thuần	739.229.789.795	1.180.263.094.521	60%
Lợi nhuận trước thuế	12.680.467.788	19.658.421.416	55%
Lợi nhuận sau thuế	10.370.364.149	17.854.992.433	72%

Kế hoạch hoạt động năm 2010

Nhóm Hàng	Kế Hoạch (Tấn)
Thép xây dựng	60.000
Thép tấm lá	60.000
Thép lưới hàn	7.000
Tổng cộng	127.000

Biện pháp thực hiện

- Tập huấn các lớp đào tạo về quản lý và kinh doanh cho cán bộ công nhân viên.
- Xây dựng kênh trao đổi thông tin trong nội bộ tốt nhằm hỗ trợ cho các bộ phận trong kinh doanh.
- Phân loại và xây dựng chính sách phù hợp cho từng nhóm khách hàng.
- Tập trung công tác marketing cho sản phẩm thép lá và lưới thép hàn.
- Phát triển mặt hàng mới, thép mạ kẽm, mạ điện, silic, giữ đúng định hướng chiến lược kinh doanh, tập trung phân khúc trung và cao cấp. Nắm vững và thường xuyên dự báo thị trường để có những giải pháp phù hợp, cân đối tồn kho và dự trữ nguyên liệu ở mức hợp lý đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ THÉP SMC

Đang trong giai đoạn đầu tư.

CÔNG TY TNHH MTV SMC HIỆP PHƯỚC

Công ty TNHH một thành viên SMC Hiệp Phước được cấp giấy phép kinh doanh ngày 03 tháng 07 năm 2007 với số vốn đầu tư ban đầu là 30 tỷ đồng. Công ty tọa lạc Lô C5A Khu C, Khu Công Nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè. Kinh doanh thương mại từ đầu quý IV/2009.



Kết quả hoạt động năm 2009

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Tăng trưởng
Tài sản ngắn hạn	25,752,404,844	222,056,502,002	762%
Tài sản dài hạn		2,216,333,670	100%
Doanh thu thuần	126,141,738,305	727,037,888,103	476%
Lợi nhuận trước thuế	417,159,727	11,448,356,080	2644%
Lợi nhuận sau thuế	417,159,727	9,444,893,766	2164%

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI VIỆT

Công ty Cổ phần Hải Việt được thành lập từ việc chuyển thể từ Công ty TNHH Hải Mã theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000346 ngày 28/08/2008.

Công ty tọa lạc tại lô số 47, khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội.

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Tăng trưởng
Tài sản ngắn hạn	2,320,941,104	29,642,301,897	1177%
Tài sản dài hạn	5,753,743,349	5,365,708,731	100%
Doanh thu thuần	17,553,763,543	88,378,944,875	403%
Lợi nhuận trước thuế	310,034,268	1,806,141,260	483%
Lợi nhuận sau thuế	310,034,268	1,598,808,075	416%

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SMC BÌNH DƯƠNG

Công ty TNHH một thành viên SMC Bình Dương được cấp giấy phép kinh doanh ngày 10 tháng 11 năm 2008 với số vốn đầu tư ban đầu là 30 tỷ đồng. Công ty tọa lạc tại Đường 5, Khu Công Nghiệp Đồng An, xã Bình Hòa, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

Kết quả hoạt động năm 2009

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Tăng trưởng
Tài sản ngắn hạn	25,752,404,844	222,056,502,002	762%
Tài sản dài hạn		2,216,333,670	100%
Doanh thu thuần	126,141,738,305	727,037,888,103	476%
Lợi nhuận trước thuế	417,159,727	11,448,356,080	2644%
Lợi nhuận sau thuế	417,159,727	9,444,893,766	2164%

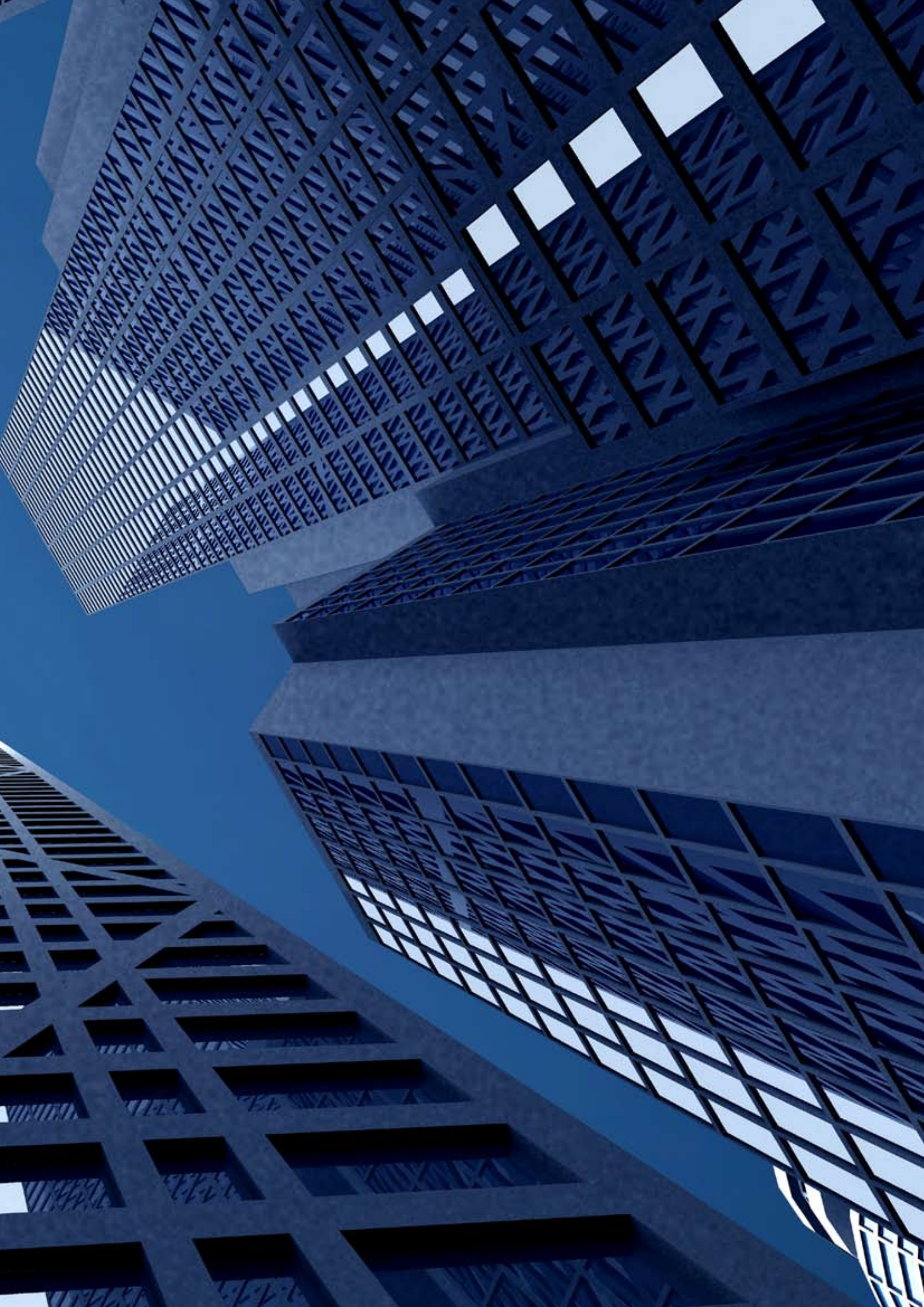
(Số liệu 2008 đơn vị hạch toán phụ thuộc theo công ty mẹ.)

Kế hoạch hoạt động năm 2010

Nhóm Hàng	Kế Hoạch (Tấn)
Thép xây dựng	41.000
Thép tấm	27.000
Thép hình	5.000
Tổng cộng	73.000







CÁC SỰ KIỆN SMC VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỘNG ĐỒNG



Thành lập mới 2 công ty thành viên:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KINH DOANH THÉP SMC

- Ngày thành lập : 2/1/2010
- Trụ sở : 124 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
- Vốn đăng ký : 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)
- Đơn vị chủ quản : Công ty CP Đầu tư – Thương mại SMC
- Chức năng hoạt động : Đăng ký kinh doanh phù hợp với chức năng của đơn vị chủ quản

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SMC HIỆP PHƯỚC

- Ngày thành lập : 11/06/2009
- Trụ sở : Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, Nhà Bè, TPHCM
- Vốn đầu tư : 30.000.000.000 đồng (ba mươi tỷ đồng)
- Đơn vị chủ quản : Công ty Cp Đầu tư – Thương mại SMC
- Chức năng hoạt động : Đăng ký kinh doanh phù hợp với chức năng của đơn vị chủ quản

Ngày 29/07/2009 SMC chính thức tăng vốn điều lệ từ 109 tỷ lên 146 tỷ theo giấy phép số 51/2009/GCNCP-CN.TTLK.

Ngày 21/08/2009, SMC chính thức hình thành tòa nhà văn phòng SMC và đưa hoạt động Nhập khẩu dàn máy coil center cán nóng.

Cuối năm 2009, SMC đã nhập khẩu dây chuyền coil center gia công chế biến thép tấm cán nóng công nghệ của Đài Loan, có tổng công suất khoảng 200.000 tấn/năm, vốn đầu tư 1,5 triệu đô la Mỹ. Dây chuyền này có thể cắt xẻ băng thép cán nóng với độ dày từ 3 – 14 ly với độ chính xác rất cao.

Nhờ hoạt động theo công nghệ tự động hóa 100%, có năng suất rất cao, tiếp nhận nhiều nguồn nguyên liệu đa dạng và cho ra sản phẩm với nhiều quy cách khác nhau, SMC đã đa dạng hóa hơn về chủng loại sản phẩm như: thép gân, thép cuộn, thép hình, thép ống các loại, tole cuộn mạ màu, đến các loại thép lá cán nguội, thép lá cuộn mạ kẽm mạ điện, thép inox dùng cho ngành hàng gia dụng, nội thất... cùng một số loại thép đặc biệt dùng trong chế tạo.

Vì vậy, SMC không chỉ được nhắc đến vai trò của một nhà phân phối trong ngành thép mà còn là đơn vị dịch vụ gia công, chế biến thép cung ứng cho các công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng.



NHỮNG CAM KẾT VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

Sự phát triển của một doanh nghiệp phải luôn gắn liền với trách nhiệm xã hội thông qua việc tuân thủ những chuẩn mực về pháp luật, nhằm đảm bảo quyền lợi của người lao động và phát triển cộng đồng. Đây được xem là những đạo đức của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động kinh doanh và đóng góp cho sự phát triển kinh tế xã hội nói chung nhằm thông qua đó để thể hiện trách nhiệm của một doanh nghiệp.

TRÁCH NHIỆM KINH TẾ

Điều này được thể hiện qua hiệu quả hoạt động và khả năng tăng trưởng lợi nhuận hàng năm của SMC vừa là trách nhiệm vừa là lợi ích kinh tế cho chính SMC và cho cả xã hội. Tuy động cơ xuất phát của trách nhiệm này là của nhu cầu kinh doanh để tìm kiếm lợi nhuận cho SMC, cổ đông, nhà đầu tư. Nhưng SMC luôn đặt lợi ích của xã hội, khách hàng lên cao nhất.

Vi vậy thông qua quá trình hoạt động kinh doanh nhằm phát triển doanh nghiệp, SMC có những đóng góp tích cực cho xã hội trong việc đảm bảo công ăn việc làm và nguồn thu nhập ổn định cho Cán bộ công nhân viên SMC, đồng thời mỗi năm đóng góp vào ngân sách nhà nước gần 90 tỷ đồng.

TRÁCH NHIỆM TỪ THIỆN

Hàng năm SMC đều trích một phần lợi nhuận của doanh nghiệp nhằm thể hiện trách nhiệm của mình đối với cộng đồng xã hội điều này được thể hiện thông qua các chương trình xã hội và hoạt động từ thiện hướng đến cộng đồng như xây nhà tình thương, tình nghĩa, giúp đỡ trẻ em bị HIV, cứu trợ đồng bào bị thiên tai lũ lụt, hỗ trợ người nghèo ăn tết,... đã trở thành một nét văn hóa đối với doanh nghiệp SMC.

TRÁCH NHIỆM TUÂN THỦ PHÁP LUẬT

Đảm bảo thực hiện tốt các chính sách về đào tạo và các chế độ bảo hiểm y tế cho toàn CBCNV SMC. Ngoài ra SMC luôn tuân thủ nghiêm túc các qui định của Nhà Nước.







.....

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

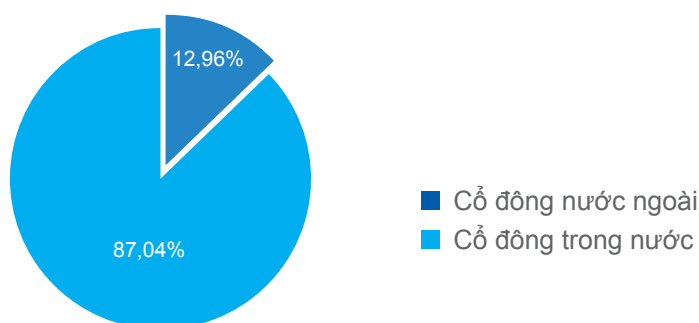
THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Tính đến thời điểm ngày 02/03/2010 thì số lượng cổ đông sở hữu cổ phiếu SMC:

CƠ CẤU VỐN CỔ ĐÔNG

Đơn vị tính: VND

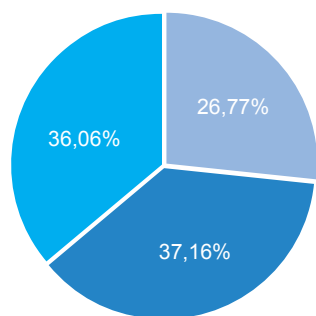
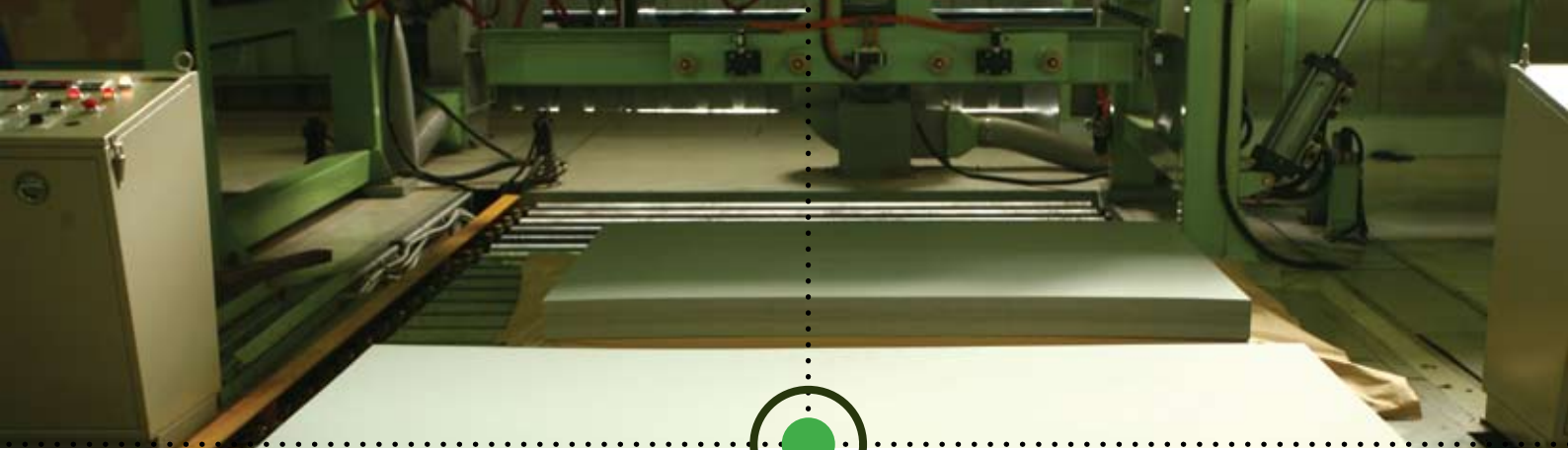
Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn chủ sở hữu	127.591.420.000	87,04%	19.003.210.000	12,96%	146.594.630.000	100,00%
1. Cổ đông nhà nước	-	-	-	-	-	-
2. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát	35.026.350.000	23,89%	-	-	35.026.350.000	23,89%
3. Cổ đông trong công ty	20.421.450.000	13,93%	11.260.000	0,01%	20.432.710.000	13,94%
4. Cổ đông ngoài công ty	72.143.620.000	49,21%	18.991.950.000	12,96%	91.135.570.000	62,17%



CƠ CẤU TỶ LỆ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn chủ sở hữu	127.591.420.000	87,04%	19.003.210.000	12,96%	146.594.630.000	100,00%
1. Cổ đông sở hữu trên 5%	39.247.330.000	26,77%	-	-	39.247.330.000	26,77%
2. Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5%	40.611.930.000	27,70%	13.866.660.000	9,46%	54.478.590.000	37,16%
3. Cổ đông sở hữu dưới 1%	47.732.160.000	32,56%	5.136.550.000	3,50%	52.868.710.000	36,06%



- Cổ đông sở hữu trên 5%
- Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5%
- Cổ đông sở hữu dưới 1%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT (THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU NĂM 2009)

Họ tên	31.12.2008	Thay đổi trong kỳ			Thay đổi	31.12.2009	
		Cổ phiếu thưởng	Mua	Bán		31.12.2009	%
Hội đồng Quản trị							
Nguyễn Ngọc Anh	1.173.164	432.664	124.830		557.494	1.730.658	11,81%
Nguyễn Thị Ngọc Loan	902.064	300.688			300.688	1.202.752	8,20%
Nguyễn Văn Tiến	271.650	93.883	10.000		103.883	375.533	2,56%
Ban Giám đốc							
Nguyễn Ngọc Anh					0		
Nguyễn Thị Ngọc Loan					0		
Nguyễn Văn Tiến					0		
Nguyễn Bình Trọng	51.836	17.278			17.278	69.114	0,47%
Võ Hoàng Vũ	51.094	17.031		40.000	-22.969	28.125	0,19%
Ban Kiểm soát							
Đào Việt Thắng	21.340	7.113			7.113	28.453	0,19%
Hồ Thị Ngọc Tuyết	3.960	1.320		3.280	-1.960	2.000	0,01%
Kế toán trưởng							
Nguyễn Văn Lâm	8.090	2.696			2.696	10.786	0,07%



DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT

Đơn vị tính: VND

Tên người sở hữu chứng khoán	Địa chỉ	Quốc tịch	Số lượng chứng khoán	Tỷ lệ nắm giữ
Cổ đông sáng lập				
1. Nguyễn Ngọc Anh (Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc)	492 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.25, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	Việt Nam	1.730.658	11,81%
2. Nguyễn Thị Ngọc Loan (Phó Chủ tịch HĐQT, GD Điều hành)	5B Phan Bội Châu, P.2, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	Việt Nam	1.202.752	8,20%
3. Nguyễn Văn Tiến (Thành viên HĐQT, GD Hành chính)	236/57 Điện Biên Phủ, P.17, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	Việt Nam	375.533	2,56%
4. Nguyễn Hòa Bình (Thành viên)	146/14/21 Vũ Tùng, P.2, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	Việt Nam	66.000	0,45%
5. Nguyễn Thị Kim Hồng (Thành viên)	67/11F Hoàng Hoa Thám, P.6, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	Việt Nam	145.640	0,99%
Hội đồng Quản trị (chức danh)				
1. Nguyễn Ngọc Anh	492 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.25, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	Việt Nam	-	-
2. Nguyễn Thị Ngọc Loan	5B Phan Bội Châu, P.2, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	Việt Nam	-	-
3. Nguyễn Văn Tiến	236/57 Điện Biên Phủ, P.17, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	Việt Nam	-	-
4. Ma Đức Tú (Thành viên HĐQT)	226 Hai Bà Trưng, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM	Việt Nam	-	-
5. Võ Hữu Tuấn (Thành viên HĐQT)	42D Khu phố 1, P.Phú Thuận, Q.7, TP.HCM	Việt Nam	-	-
Ban Giám đốc (chức danh)				
1. Nguyễn Ngọc Anh	492 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.25, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	Việt Nam	-	-
2. Nguyễn Thị Ngọc Loan	5B Phan Bội Châu, P.2, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	Việt Nam	-	-
3. Nguyễn Văn Tiến	236/57 Điện Biên Phủ, P.17, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	Việt Nam	-	-
4. Nguyễn Bình Trọng (Giám đốc Tài chính)	750/23 Nguyễn Kiệm, P.4, Q.Phú Nhuận, TP.HCM	Việt Nam	69.114	0,47%
5. Võ Hoàng Vũ (Giám đốc Nhà máy)	281/18 Lê Quang Định, P.17, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	Việt Nam	28.125	0,19%
Ban Kiểm soát (chức danh)				
1. Đào Việt Thắng (Trưởng Ban Kiểm soát)	61 Văn Miếu, Q.Đống Đa, Hà Nội	Việt Nam	28.453	0,19%
2. Hồ Thị Ngọc Tuyết (Thành viên Ban Kiểm soát)	41/4A Lê Văn Phước, P.13, Q.4, TP.HCM	Việt Nam	2.000	0,014%
3. Vũ Thị Thanh Quyên (Thành viên Ban Kiểm soát)		Việt Nam	-	0,000%



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT



Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, trong năm 2009, BKS Công ty đã tiến hành giám sát các hoạt động của Công ty như sau:

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2009

Hoạt động của Ban kiểm soát

Hoạt động của Ban Kiểm Soát năm 2009 được tiến hành một cách chủ động theo qui định của pháp luật và điều lệ công ty, cụ thể:

- Tham gia ý kiến với HĐQT trong các vấn đề: tổng kết và xác lập kế hoạch, chỉ định công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Công ty theo quy định của pháp luật; bàn bạc thực hiện chủ trương mở rộng qui mô kinh doanh.
- Kiểm tra các báo cáo tài chính giữa niên độ và cả năm.
- Kiểm tra việc thực hiện quy trình sản xuất, kinh doanh theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2000 của Công ty.
- Xem xét tính hợp lý của các qui định và qui trình luân chuyển chứng từ kế toán.
- Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật (bao gồm: nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các nghĩa vụ tài chính khác).
- Giám sát việc chấp hành giao dịch cổ phiếu của những người có liên quan đến HĐQT, Ban giám đốc, Ban Kiểm Soát và Kế toán trưởng Công ty.
- Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư.
- Nhìn chung, trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát được HĐQT, Ban giám đốc tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

Kết quả thẩm tra BCTC hợp nhất và hoạt động của Cty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại SMC

- Đến hết năm 2009, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong các hoạt động và tài chính của Công ty. Tất cả các hoạt động này đều tuân thủ Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty.
- Báo cáo tài chính hợp nhất 2009 có những sai sót không trọng yếu, đã được điều chỉnh sau khi kiểm toán.
- Ban kiểm soát đồng ý với ý kiến của kiểm toán viên về Báo cáo tài chính của Công ty được lập cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009.
- Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện đúng theo nghị định 158/2003/NĐ- CP ngày 10/12/2003.
- Các Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại SMC lập đúng biểu mẫu ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.
- Báo cáo tài chính đã trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Cty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại SMC ngày 31/12/2009; phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của pháp luật quy định.



PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BKS CÔNG TY NĂM 2010

Để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, BKS Công ty kính trình Đại hội kế hoạch làm việc năm 2010 như sau:

- Tiếp tục nhiệm vụ kiểm tra giám sát các hoạt động điều hành, quản lý của HĐQT, Ban giám đốc, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và cẩn trọng trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý vốn, vật tư, tài sản... của Công ty, xem xét các kế hoạch, báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và các phương án phát triển, các quy định về quản lý các quỹ tài chính tập trung, các quy chế về quản lý lao động, chế độ tiền lương, thưởng, các chế độ liên quan đến Công ty và tập thể người lao động;
- Kiểm tra sổ sách, chứng từ kế toán và các tài liệu khác của Công ty khi thấy cần thiết hoặc theo quyết định của đại hội cổ đông;
- Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, 6 tháng, hàng quý của Công ty;
- Tìm hiểu các khó khăn, các đề xuất và hướng giải quyết của công ty với Công ty thành viên, Công ty liên doanh, liên kết;
- Duy trì sự phối hợp công tác chặt chẽ giữa BKS với HĐQT, ban điều hành của Công ty và các Công ty trực thuộc khác;
- Cử các thành viên BKS tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn đồng thời tham gia tích cực các hội nghị chuyên ngành có liên quan đến công tác kiểm soát.

TM. Ban kiểm soát
Trưởng Ban

Đào Việt Thắng

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (“Nhóm Công ty”) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên HĐQT
Ông Ma Đức Tú	Thành viên HĐQT
Ông Võ Hữu Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Đào Việt Thắng	Trưởng ban kiểm soát
Bà Hồ Thị Ngọc Tuyết	Thành viên ban kiểm soát
Bà Vũ Thị Thanh Quyên	Thành viên ban kiểm soát

2. Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bình Trọng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc

3. Trụ sở hoạt động

Trụ sở chính đặt tại: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh tại Hà Nội	Tầng 7, tòa nhà Simco, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội.
- Chi nhánh SMC – An Lạc	548 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Bình Tân, Tp.HCM.

Các công ty con

- Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, KCN Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu
- Công ty Cổ phần Hải Việt	Lô số 47, KCN Quang Minh, Mê Linh, Tp Hà Nội
- Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương
- Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	KCN Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu
- Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, Nhà Bè, Tp.HCM
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	124 Ung Văn Khiêm, phường 25, Bình Thạnh, Tp.HCM

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

4. Các hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở); Xây dựng, lắp đặt công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Sửa chữa nhà ở, trang trí nội thất; Lập dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà, mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm; Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hóa nội địa và xuất khẩu.

5. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2009 và kết quả hoạt động của năm tài chính cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ kết thúc vào cùng ngày 31/12/2009 được trình bày từ trang 06 đến trang 28.

6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc thời kỳ tài chính.

8. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

9. Các vấn đề khác

Trong năm 2008, Công ty đã thành lập Công ty con (100% vốn chủ sở hữu) có tên gọi là Công ty TNHH Một thành viên SMC Bình Dương theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701117241 ngày 10/11/2008. Tuy nhiên đến thời điểm 01/01/2009, Công ty con mới bắt đầu hoạt động.

10. Kiểm toán viên

Công ty Tư vấn và Kiểm toán CA&A được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

1. Công bố trách nhiệm của Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động của nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

2. Phê duyệt của Hội đồng quản trị

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh báo cáo hợp nhất. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động kinh doanh của nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



NGUYỄN NGỌC ANH

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 08 tháng 02 năm 2010

Số: 066a/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC

**Kính gửi : CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (“Công ty”) và các Công ty con (“Nhóm Công ty”) bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, được lập ngày 08 tháng 02 năm 2010, từ trang 06 đến trang 28 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu.

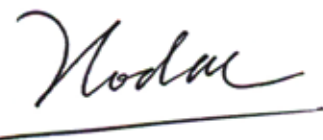
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các Công ty con tại ngày 31/12/2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày 31/12/2009 và được lập phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Kiểm toán viên



Hồ Đắc Hiếu

Chứng chỉ KTV số: 0458/KTV

Phó Giám đốc



Nguyễn Văn Tuyên

Chứng chỉ KTV số: Đ.0111/KTV

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		1.264.877.314.285	549.159.222.469
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	64.397.514.413	180.889.165.564
1. Tiền	111		45.476.555.238	180.889.165.564
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.920.959.175	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	56.787.157.799	10.723.809.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		59.021.435.148	19.797.183.595
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.234.277.349)	(9.073.374.595)
III. Các khoản phải thu	130	V.03	702.906.466.535	227.570.522.863
1. Phải thu khách hàng	131		693.516.058.809	209.923.533.073
2. Trả trước cho người bán	132		7.481.003.580	17.202.330.979
3. Các khoản phải thu khác	135		2.918.755.694	1.454.010.359
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.009.351.548)	(1.009.351.548)
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	338.865.214.483	97.728.211.661
1. Hàng tồn kho	141		338.865.214.483	97.728.211.661
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.05	101.920.961.055	32.247.513.381
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		318.427.667	415.527.554
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		18.052.071.332	353.440.824
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		83.550.462.056	31.478.545.003
B. Tài sản dài hạn	200		298.246.220.043	202.101.697.902
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		204.822.141.785	122.385.092.494
1. TSCĐ hữu hình	221	V.06	55.425.113.907	47.043.302.453
- Nguyên giá	222		79.382.573.788	62.905.180.270
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.957.459.881)	(15.861.877.817)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.07	22.060.465.502	27.322.901.502
- Nguyên giá	225		31.419.205.502	31.419.205.502
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(9.358.740.000)	(4.096.304.000)
3. TSCĐ vô hình	227	V.08	54.898.058.232	36.157.339.298
- Nguyên giá	228		55.372.841.676	36.426.475.314
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(474.783.444)	(269.136.016)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	72.438.504.144	11.861.549.241
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		80.089.382.561	65.682.243.100
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	5.372.254.561	5.209.131.100
2. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	80.542.207.200	76.490.807.200
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.11	(5.825.079.200)	(16.017.695.200)
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.299.079.264	3.966.104.875
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	1.178.598.054	839.829.557
2. Tài sản dài hạn khác	268	V.13	3.120.481.210	3.126.275.318
VI. Lợi thế thương mại	269	V.14	9.035.616.433	10.068.257.433
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.563.123.534.328	751.260.920.371

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		1.249.008.364.503	490.015.585.235
I. Nợ ngắn hạn	310		1.214.264.173.893	461.271.900.730
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	501.445.645.305	112.900.822.517
2. Phải trả người bán	312	V.16	514.134.999.062	292.814.513.224
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	184.612.363.690	50.291.760.708
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.17	7.942.650.483	2.408.317.403
5. Phải trả người lao động	315		3.842.993.589	1.213.570.336
6. Chi phí phải trả	316	V.18	2.071.132.203	1.549.512.490
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.19	214.389.561	93.404.052
II. Nợ dài hạn	330		34.744.190.610	28.743.684.505
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.20	1.131.000.000	-
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.21	33.539.819.173	28.660.846.844
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		73.371.437	82.837.661
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.23	311.516.270.414	259.285.958.955
I. Vốn chủ sở hữu	410		309.172.596.873	258.197.960.931
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		146.594.630.000	109.967.770.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		59.924.599.600	59.924.599.600
3. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(142.489.800)	(142.489.800)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(1.579.597.559)	-
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		33.522.560.867	13.846.676.717
7. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.319.754.537	3.179.029.868
8. Lợi nhuận chưa phân phối	420		64.533.139.228	71.422.374.546
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		2.343.673.541	1.087.998.024
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		2.343.673.541	1.087.998.024
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439	V.22	2.598.899.411	1.959.376.181
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.563.123.534.328	751.260.920.371

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ tiền mặt và tiền gửi ngân hàng - USD	40.717,10	1.872.571,99
6. Dự toán chi hoạt động	-	-



NGUYỄN VĂN LÂM
Kế toán trưởng
Ngày 08 tháng 02 năm 2010




NGUYỄN NGỌC ANH
Tổng Giám đốc

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		5.268.488.715.733	4.215.329.658.892
Trong đó: Doanh thu hàng xuất khẩu			32.353.010.780	89.305.418.098
2. Các khoản giảm trừ	2		4.821.508.339	1.515.312.155
3. Doanh thu thuần	10	VI.24	5.263.667.207.394	4.213.814.346.737
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.25	5.122.783.518.549	4.043.598.492.811
5. Lợi nhuận gộp	20		140.883.688.845	170.215.853.926
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	41.916.151.676	21.847.253.034
7. Chi phí tài chính	22	VI.27	33.266.629.273	54.425.967.446
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.926.302.288	25.679.280.206
Chi phí dự phòng (hoàn nhập) đầu tư tài chính			(17.031.713.246)	25.091.069.755
8. Chi phí bán hàng	24	VI.28	45.014.646.131	38.662.090.306
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.29	27.471.024.175	18.647.677.802
10. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh	30		77.047.540.942	80.327.371.406
11. Thu nhập khác	31	VI.30	11.347.649.515	3.716.292.977
12. Chi phí khác	32	VI.31	4.668.385.298	1.105.615.209
13. Lợi nhuận khác	40		6.679.264.217	2.610.677.768
14. Lợi nhuận từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	45		163.123.461	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		83.889.928.620	82.938.049.174
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.32	10.828.979.859	10.856.998.606
17. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		73.060.948.761	72.081.050.568
Lợi nhuận/ (lỗ) sau thuế phân bổ cho:				
19. Cổ đông thiểu số	61		639.523.230	107.654.767
20. Cổ đông Công ty mẹ	62		72.421.425.531	71.973.395.801
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.33	5.768	6.652



NGUYỄN VĂN LÂM
Kế toán trưởng
Ngày 08 tháng 02 năm 2010



NGUYỄN NGỌC ANH
Tổng Giám đốc

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	1	83.889.928.620	82.938.049.174
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	2	14.073.589.484	15.311.834.887
Các khoản dự phòng	3	(17.031.713.246)	26.100.421.343
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	-	(780.462.705)
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	5	(22.012.657.857)	(13.892.076.943)
Chi phí lãi vay	6	23.926.302.288	26.004.880.296
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	8	82.845.449.289	135.682.646.052
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(542.522.978.570)	29.117.858.720
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(241.137.002.822)	5.215.761.598
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	356.978.647.031	143.482.680.285
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	790.972.390	(11.209.720.552)
Tiền lãi vay đã trả	13	(22.923.195.341)	(25.788.393.062)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5.003.973.325)	(12.191.594.255)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	171.878.076	182.794.908
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(5.589.320.789)	(3.267.991.504)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(376.389.524.061)	261.224.042.190
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(97.425.201.440)	(66.188.156.201)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	2.019.598.612	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(246.725.019.770)	(20.729.663.459)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	203.286.244.756	8.787.999.613
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18.329.903.355	14.488.051.943
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(120.514.474.487)	(63.641.768.104)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	9.994.810.000
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	-	(42.419.000)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	33	2.083.456.634.489	714.605.802.479
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.682.949.883.701)	(766.204.434.798)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(7.082.955.671)	(4.969.862.505)
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(13.194.073.800)	(28.677.910.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	380.229.721.317	(75.294.014.524)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(116.674.277.231)	122.288.259.562
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	180.889.165.564	58.123.324.363
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	182.626.080	477.581.639
Tiền tồn cuối kỳ	70	64.397.514.413	180.889.165.564

NGUYỄN VĂN LÂM
Kế toán trưởng
Ngày 08 tháng 02 năm 2010



NGUYỄN NGỌC ANH
Tổng Giám đốc

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (“Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 6 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0303522206 ngày 29/7/2009.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 146.594.630.000 đồng.

2. Tên giao dịch, trụ sở và các đơn vị trực thuộc

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: SMC TRADING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt: SMC J.S.C.

- Trụ sở chính đặt tại: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh.

- Chi nhánh Hà Nội và Chi nhánh An Lạc.

Các đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty có con dấu riêng; có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng và hạch toán phụ thuộc Công ty.

3. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - thương mại - dịch vụ.

4. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở);

- Xây dựng, lắp đặt công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;

- Sửa chữa nhà ở, trang trí nội thất;

- Lập dự án đầu tư xây dựng;

- Kinh doanh nhà;

- Mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm;

- Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

5. **Tổng số công nhân viên:** 282 người.

6. **Tổng số các Công ty con:** 06 Công ty.

7. **Tổng số các Công ty liên doanh, liên kết:** 02 Công ty.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100%	100%
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, Nhà Bè, Tp.HCM	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	124 Ung Văn Khiêm, phường 25, Bình Thạnh, Tp.HCM	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%
Công ty Cổ phần Hải Việt	Lô số 47, KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, Tp Hà Nội	Nuôi trồng thủy sản, sản xuất, thương mại và dịch vụ	60%	60%
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt	147/6 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp.HCM	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	35%	35%
Công ty Cổ phần Cơ khí Chiến Thắng	230 Bạch Đằng, Phường 24, Q.Bình Thạnh, Tp. HCM	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	39%	39%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam phù hợp với hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không chủ định trình bày nhằm cung cấp các thông tin tài chính theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ ngoài Việt Nam.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán áp dụng

1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các Công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Nhóm Công ty theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Đầu tư vào Công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một Công ty con hay một liên doanh.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được bao gồm trong giá trị sổ sách của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, Nhóm Công ty ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn sở hữu tương ứng của Nhóm Công ty. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Nhóm Công ty với Công ty liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong Công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

3. Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế được lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết mà không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng là Đồng Việt Nam (“VND”) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối năm được hạch toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính như sau:

- Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

- Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận như sau:

+ Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản công nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

+ Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản công nợ dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

6. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp nhập sau xuất trước

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

7. Phải thu khách hàng

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Quyết định 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa, vật kiến trúc:	06 - 10 năm
Máy móc thiết bị:	05 - 07 năm
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn:	5 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý:	03 - 05 năm
Quyền sử dụng đất:	39 năm
Phần mềm kế toán:	02 - 03 năm

9. Hợp đồng thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản nhằm phản ánh tỷ lệ lãi suất bình ổn phát sinh trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính hoặc theo thời hạn thuê tài sản, nếu có cam kết là bên thuê sẽ không được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

	Máy móc thiết bị
Thời gian khấu hao:	6 năm
Áp dụng mức khấu hao nhanh:	3 năm

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty con được phân bổ trong thời gian 10 năm, bắt lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty con được ghi nhận vào thu nhập trên báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: Công ty trích lập theo tỷ lệ 3% trên tổng quỹ lương đóng bảo hiểm y tế và xã hội.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

12. Lương, bảo hiểm xa hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 20%, 3% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 18% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 7% sẽ được trích từ lương của người lao động.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

14. Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản. Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

16. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các Công ty con (“Nhóm Công ty”) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang (nếu có). Nhóm Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC được miễn thuế trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 2 năm tiếp theo. Năm 2009 là năm tài chính thứ 2 Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Công ty TNHH Thép SMC được hưởng thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi Dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh. Đối với hoạt động gia công, được miễn thuế 1 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% cho 4 năm tiếp theo. Năm 2009 là năm tài chính thứ hai Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động gia công.
- Công ty Cổ phần Hải Việt được hưởng thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi Dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh, được miễn 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Năm 2009 là năm tài chính thứ hai Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Tiền thuế đất được miễn 11 năm kể từ khi Dự án đi vào hoạt động.

Hiện tại, Nhóm Công ty đang được hưởng ưu đãi về thuế như đã đề cập ở trên. Số thuế phải nộp do Nhóm Công ty tự xác định sẽ được điều chỉnh lại khi có biên bản kiểm tra quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp từ cơ quan Thuế.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

18. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền

	31/12/2009	01/01/2009
Tiền mặt (VND)	1.026.862.594	23.650.022.945
Tiền mặt (USD)	-	52.628.700
Tiền gửi ngân hàng (VND)	42.878.720.557	149.670.945.927
Tiền gửi ngân hàng (USD)	1.570.972.087	7.515.567.992
Tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng	18.920.959.175	-
Cộng	64.397.514.413	180.889.165.564

2. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(*) 10.436.648.148	19.797.183.595
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	48.584.787.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.234.277.349)	(9.073.374.595)
Cộng	56.787.157.799	10.723.809.000

(*) Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn và trích lập dự phòng tại thời điểm 31/12/2009

	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
Ngân hàng TMCP Á Châu	634	29.106.521	(5.521.721)	23.584.800
Công ty CP Bảo hiểm Việt Nam	35.080	2.029.235.442	(955.787.442)	1.073.448.000
Ngân hàng CP Ngoại Thương	11.000	634.914.285	(117.914.286)	516.999.999
CN Công ty XD PTĐT Đà Lạt	25.000	345.000.000	-	345.000.000
Công ty CP Khoáng sản Bình Dương	150.000	3.440.000.000	-	3.440.000.000
CN Công ty XD PTĐT Đà Lạt	20.000	338.000.000	(56.000.000)	282.000.000
Công ty Inlaco Sài Gòn	55.000	1.830.000.000	(730.000.000)	1.100.000.000
Công ty Tư vấn XD Tổng hợp	29.714	632.908.200	(127.770.200)	505.138.000
Công ty CP Bao bì Sài Gòn	70.000	725.000.000	-	725.000.000
Công ty CP Đại lý Hàng Hải	11.200	420.483.700	(241.283.700)	179.200.000
Trái phiếu CII	12	12.000.000	-	12.000.000
Cộng		10.436.648.148	(2.234.277.349)	8.202.370.799

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

		31/12/2009	01/01/2009
Phải thu khách hàng		693.516.058.809	209.923.533.073
Trả trước cho người bán		7.481.003.580	17.202.330.979
Phải thu khác	(3.1)	2.918.755.694	1.454.010.359
Cộng	(3.2)	703.915.818.083	228.579.874.411
Dự phòng phải thu khó đòi		(1.009.351.548)	(1.009.351.548)
Cộng		702.906.466.535	227.570.522.863

(3.1) Bao gồm:

	31/12/2009
- Lãi ký quỹ phải thu	1.884.671.254
- Lãi tiền gửi tiết kiệm phải thu	693.047.301
- Phải thu tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng	197.351.000
- Các khoản khác	143.686.139
Cộng	2.918.755.694

(3.2) Trong đó, bao gồm các khoản phải thu có gốc ngoại tệ là 3,232,321.14 USD tương đương 57.991.073.572 đồng và các khoản trả trước cho người bán có gốc ngoại tệ là 297,000.00 USD tương đương 5.328.477.000 đồng.

4. Hàng tồn kho

	31/12/2009	01/01/2009
Công cụ, dụng cụ	14.072.381	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (hàng gửi gia công)	33.366.503.398	-
Thành phẩm tồn kho	4.782.041.265	-
Hàng hoá	300.702.597.439	97.728.211.661
Cộng	338.865.214.483	97.728.211.661
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	338.865.214.483	97.728.211.661

5. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
Chi phí trả trước ngắn hạn	318.427.667	415.527.554
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	18.052.071.332	353.440.824
Các khoản tạm ứng	156.356.000	225.130.000
Ký quỹ thuê nhà	38.375.799	36.313.803
Ký quỹ mua hàng hóa - VND	54.522.000.000	26.548.426.200
Ký quỹ mua hàng hóa (1.607.141.76 USD)	28.833.730.257	4.668.675.000
Cộng	101.920.961.055	32.247.513.381

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Tài sản cố định hữu hình

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Dụng cụ quản lý</i>	<i>Cộng</i>
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	27.971.643.934	18.680.586.945	14.362.281.889	1.890.667.502	62.905.180.270
Tăng	1.472.006.852	1.310.032.332	2.937.378.062	(*)12.182.462.929	17.901.880.175
Giảm khác	-	980.930.490	429.372.417	14.183.750	1.424.486.657
Số dư cuối năm	29.443.650.786	19.009.688.787	16.870.287.534	14.058.946.681	79.382.573.788
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	5.919.927.886	3.558.644.395	5.411.096.340	972.209.196	15.861.877.817
Tăng	2.784.047.876	2.996.824.634	2.030.280.202	794.353.344	8.605.506.056
Giảm khác	-	398.484.123	100.016.769	11.423.100	509.923.992
Số dư cuối năm	8.703.975.762	6.156.984.906	7.341.359.773	1.755.139.440	23.957.459.881
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	22.051.716.048	15.121.942.550	8.951.185.549	918.458.306	47.043.302.453
Số dư cuối năm	20.739.675.024	12.852.703.881	9.528.927.761	12.303.807.241	55.425.113.907

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 2.801.355.268 đồng.

Tài sản cố định tăng do mua sắm mới và xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành.

Tài sản cố định giảm do nhượng bán và thanh lý.

(*) Dụng cụ quản lý tăng trong năm 2009 chủ yếu bao gồm hệ thống điện lạnh tại văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC là 9.315.708.479 đồng.

7. Tài sản cố định thuê tài chính

	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Cộng</i>
Nguyên giá	31.419.205.502	31.419.205.502
Khấu hao phát sinh trong năm	5.262.436.000	5.262.436.000
Khấu hao lũy kế	9.358.740.000	9.358.740.000
Giá trị còn lại (31/12/2009)	22.060.465.502	22.060.465.502

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Tài sản cố định vô hình

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Cộng</i>
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	36.307.112.754	119.362.560	36.426.475.314
Tăng	18.861.911.706	84.454.656	18.946.366.362
Giảm	-	-	-
Số dư cuối năm	(*) 55.169.024.460	203.817.216	55.372.841.676
Khấu hao lũy kế			
Số dư đầu năm	156.512.656	112.623.360	269.136.016
Tăng	187.725.828	17.921.600	205.647.428
Giảm	-	-	-
Số dư cuối năm	344.238.484	130.544.960	474.783.444
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	36.150.600.098	6739200	36157339298
Số dư cuối năm	54.824.785.976	73.272.256	54.898.058.232

Nguyên giá phần mềm máy vi tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 105.884.160 đồng.

- (*) Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng vô thời hạn tại 396 Ung Văn Khiêm, P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM trị giá 33.607.900.000 đồng; và quyền sử dụng đất có thời hạn 42 năm (đến tháng 11 năm 2046) tại Khu Công nghiệp Đồng An, Thuận An, Bình Dương trị giá 2.349.927.620 đồng, quyền sử dụng đất có thời hạn 40 năm (đến 29/12/2048) tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Nhà Bè, Tp.HCM trị giá 18.861.911.706 đồng, quyền sử dụng đất (chỉ phí đến bù) có thời hạn đến tháng 7/2052 tại Khu Công nghiệp Quang Minh, Mê Linh, Vĩnh Phúc (nay là Thành phố Hà Nội) trị giá 349.285.134 đồng.

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	<i>31/12/2009</i>	<i>01/01/2009</i>
Mua sắm TSCĐ	34.028.672.064	1.280.257.090
Công trình nhà kho tại Đồng An - Bình Dương	4.463.158.009	452.501.895
Hệ thống cầu trục tại Đồng An - Bình Dương	-	215.238.095
Công trình văn phòng tại 396 Ung Văn Khiêm	15.086.774.161	6.868.010.909
Phí tư vấn xây dựng nhà máy Cơ Khí - Thép SMC	-	387.264.000
Chi phí lãi vay được vốn hóa tài sản cố định	1.726.875.372	1.440.875.371
Công trình nhà xưởng tại Công ty TNHH MTV Cơ Khí SMC	17.133.024.538	-
Công trình khác	-	1.217.401.881
Cộng	72.438.504.144	11.861.549.241

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

		31/12/2009	01/01/2009
Công ty Cổ phần Cơ khí Chiến Thắng	(10.1)	3.459.131.100	3.459.131.100
Công ty Cổ phần SX - TM Vật Tư Sao Việt	(10.2)	1.913.123.461	1.750.000.000
Cộng		5.372.254.561	5.209.131.100

(10.1) Là khoản vốn góp vào Công ty Cổ phần Cơ khí Chiến Thắng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004376 ngày 27/02/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp với tỷ lệ đăng ký sở hữu của Công ty là 14,13% tương đương 1.243.760.000 đồng. Tính đến thời điểm 31/12/2009, số vốn thực góp của Công ty là 3.459.131.100 đồng tương đương 39,3% vốn điều lệ (tổng vốn điều lệ: 8,8 tỷ đồng). Công ty đang tiến hành các thủ tục để nhượng bán khoản đầu tư này trong năm 2010.

(10.2) Bao gồm:

	31/12/2009
Đầu tư ban đầu	1.750.000.000
Phần sở hữu của Công ty tại Công ty CP SX - TM Vật tư Sao Việt khi hợp nhất	163.123.461
Cộng	1.913.123.461

(*) Đầu tư dài hạn mua 175.000 cổ phần Công ty cổ phần SX - TM Vật Tư Sao Việt với giá mua 10.000 đồng/cổ phần. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103010318 ngày 16/5/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, tỷ lệ đăng ký sở hữu của Công ty là 35% tương đương 3,5 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 31/12/2009, số vốn thực góp của Công ty là 1.750.000.000 đồng tương đương 17,5% vốn điều lệ. Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản cổ tức, lợi nhuận được chia nào từ Công ty liên kết này.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
Đầu tư dài hạn khác	80.542.207.200	76.490.807.200
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(5.825.079.200)	(16.017.695.200)
Cộng	(*) 74.717.128.000	60.473.112.000

(*) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn và trích lập dự phòng tại thời điểm 31/12/2009

	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
Công ty Cổ phần Thép - Thép Việt	1.400.000	38.500.000.000	-	38.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Nam Khang	450.000	9.875.000.000	-	9.875.000.000
Công ty Cổ phần Thép Biên Hoà	420.596	12.175.807.200	(4.605.079.200)	7.570.728.000
Công ty Cổ phần bê tông 620 Long An	50.000	500.000.000	-	500.000.000
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	100.000	2.720.000.000	(1.220.000.000)	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất	1.221.000	12.210.000.000	-	12.210.000.000
NH TMCP Công Thương Việt Nam	200.000	4.051.400.000	-	4.051.400.000
Nhà Máy Cơ Khí Luyện Kim	30.000	510.000.000	-	510.000.000
Cộng		80.542.207.200	(5.825.079.200)	74.717.128.000

12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2009	01/01/2009
Phí hạ tầng KCN trả trước	785.802.004	823.672.003
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	32.553.966	-
Chi phí trả trước khác	360.242.084	16.157.554
Cộng	1.178.598.054	839.829.557

13. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
Khoản ký quỹ tại Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	1.908.888.800	1.908.888.800
Khoản ký quỹ tại Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	1.211.592.410	1.217.386.518
Cộng	3.120.481.210	3.126.275.318
Cộng	1.178.598.054	839.829.557

14. Lợi thế thương mại

	31/12/2009	01/01/2009
Giá trị còn lại của lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Hải Việt chờ phân bổ	9.035.616.433	10.068.257.433

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

15. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
Vay ngắn hạn	434.478.541.634	43.214.497.000
Vay cá nhân	58.769.566.000	62.603.369.846
Vay dài hạn đến hạn trả	(21*) 8.197.537.671	7.082.955.671
Cộng	501.445.645.305	112.900.822.517

Chi tiết các khoản nợ vay và nợ ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
NH Công Thương - SGD II	43.214.497.000	907.062.853.766	786.609.026.191	163.668.324.575
NH TNHH MTV HSBC	-	426.048.625.815	386.048.625.815	40.000.000.000
NH TNHH MTV ANZ	-	144.858.114.495	62.720.421.260	82.137.693.235
NH Liên Việt - CN Tân Định	-	112.681.903.021	82.681.903.021	30.000.000.000
NH Nno & PTNT - CN Trảng An	-	40.999.897.094	32.815.889.270	8.184.007.824
NH Nno & PTNT - KCN Tân Thành	-	170.572.864.379	153.584.348.379	16.988.516.000
NH ĐT & PT VN - CN Phú Mỹ	-	55.884.558.296	35.884.558.296	20.000.000.000
NH TMCP XNK VN - CN Sài Gòn	-	155.691.307.623	102.191.307.623	53.500.000.000
NH Công Thương - CN Nhà Bè	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Vay cá nhân	62.603.369.846	26.580.000.000	30.413.803.846	58.769.566.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	7.082.955.671	8.197.537.671	7.082.955.671	8.197.537.671
Cộng	112.900.822.517	2.068.577.662.160	1.680.032.839.372	501.445.645.305

Khoản vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Sờ Giao dịch II theo các hợp đồng vay:

- Hợp đồng vay ngắn hạn số 09.671001/HĐTĐHM ngày 09/01/2009 và hợp đồng tín dụng bổ sung đến lần thứ 3 số 09.671001-03HĐTĐBS ngày 15/5/2009 với hạn mức tín dụng là 500 tỷ đồng, trong đó hạn mức vay 212 tỷ đồng, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay; quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất là nhà phố sẽ hình thành trong tương lai tại địa chỉ số 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh với giá trị ước tính là 50.498.000.000 đồng. Số dư nợ vay đến thời điểm 31/12/2009 là 151.796.657.830 đồng.
- Hợp đồng vay ngắn hạn số 09.674001/HĐTĐHM ngày 07/7/2009 với hạn mức tín dụng 40 tỷ đồng, lãi suất 12 %/năm. Số dư nợ vay đến thời điểm 31/12/2009 là 11.871.666.745 đồng.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khoản vay Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC theo 3 giấy nhận nợ, lãi suất 12%/năm. Số dư nợ vay đến thời điểm 31/12/2009 là 40 tỷ đồng.

Khoản vay Ngân hàng TNHH ANZ Việt Nam theo hợp đồng vay ngắn hạn ngày 15/9/2009 với hạn mức tín dụng 5,000,000.00 USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến thời điểm 31/12/2009 là 82.137.693.235 đồng bao gồm 1,233,916.35 USD tương đương 22.137.693.235 đồng, lãi suất 0,43 %/tháng và 60 tỷ đồng, lãi suất từ 0,88 %/tháng đến 0,89 %/tháng.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Tân Bình theo hợp đồng vay số 08809/TB-HĐTD ngày 16/4/2009 và phụ lục hợp đồng số 01/08809 ngày 01/12/2009 với hạn mức tín dụng là 70 tỷ đồng; lãi suất 10,5 %/năm; thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến thời điểm 31/12/2009 là 30 tỷ đồng.

Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Trảng An theo hợp đồng vay số 200900290/HĐTD ngày 16/7/2009 với hạn mức tín dụng là 456,162.30 USD; lãi suất từ 3%/năm đến 5,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài khoản tiền gửi có kỳ hạn là 2.924.000.000 đồng; và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại số 09 ngách 178/1, phố Tây Sơn, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội thuộc sở hữu của ông Trần Đức Sự và bà Trần Thị Sen với giá trị đảm bảo là 7,5 tỷ đồng. Số dư nợ vay đến thời điểm 31/12/2009 là 456,162.30 USD tương đương 8.184.007.824 đồng.

Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Khu Công nghiệp Tân Thành theo các hợp đồng vay số 9B1105.03064/01/HĐTD ngày 05/11/2009 và 9B1105.03064/02/HĐTD ngày 10/11/2009 với số tiền vay là 930,000.00 USD (được mua kỳ hạn theo tỷ giá trung bình là 18.267 đồng/USD) tương đương 16.988.516.000 đồng; lãi suất 4,98 %/năm, thời hạn vay 120 ngày. Số dư nợ vay đến thời điểm 31/12/2009 là 16.988.516.000 đồng.

Khoản vay Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/09/03/1724697/HĐ ngày 30/3/2009 với hạn mức tín dụng là 20 tỷ đồng; lãi suất từ 10 %/năm đến 10,5 %/năm. Số dư nợ vay đến thời điểm 31/12/2009 là 20 tỷ đồng.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) theo các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số 1401-LAV-200900813 ngày 05/3/2009 với hạn mức tín dụng 30 tỷ đồng, lãi suất từ 10,5 %/năm đến 12 %/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất số T00213/CN/05 tại Khu Công nghiệp Đồng An, Thuận An, Bình Dương thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC. Số dư nợ vay đến thời điểm 31/12/2009 là 30 tỷ đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 1401-LAV-200911603 ngày 16/11/2009 với hạn mức tín dụng 23,5 tỷ đồng, lãi suất 10,5 %/năm. Số dư nợ vay đến thời điểm 31/12/2009 là 23,5 tỷ đồng.

Khoản vay Ngân hàng Công Thương - Chi nhánh Nhà Bè theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 09.070201/HĐTDHM ngày 05/11/2009 với hạn mức tín dụng là 20 tỷ đồng; lãi suất 10,5 %/năm, thời hạn vay 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến thời điểm 31/12/2009 là 20 tỷ đồng.

Các khoản vay cá nhân được thực hiện theo từng biên bản thỏa thuận với thời hạn 01 năm, lãi suất huy động 0,75 %/tháng, tiền lãi được trả hàng tháng vào ngày 25 của tháng.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

16. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

		31/12/2009	01/01/2009
Phải trả người bán	(*)	514.134.999.062	292.814.513.224
Người mua trả tiền trước		184.596.454.599	50.291.760.708
Doanh thu chưa thực hiện		15.909.091	-
Cộng		698.747.362.752	343.106.273.932

(*) Trong đó, bao gồm các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ là 1.115.732,80 USD tương đương 20.017.362.165 đồng.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

		31/12/2009	01/01/2009
Thuế nhập khẩu		557.673.064	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp		7.321.307.336	1.669.249.703
Thuế thu nhập cá nhân		63.670.083	739.067.700
Cộng		7.942.650.483	2.408.317.403

18. Chi phí phải trả

		31/12/2009	01/01/2009
Chi phí lãi vay phải trả		1.003.106.947	216.487.234
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả tạm tính		1.068.025.256	1.293.025.256
Chi phí phải trả khác		-	40.000.000
Cộng		2.071.132.203	1.549.512.490

19. Các khoản phải trả, phải nộp khác

		31/12/2009	01/01/2009
Kinh phí công đoàn		76.133.800	54.595.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế		17.743.881	13.220.361
Doanh thu chưa thực hiện		-	15.909.092
Phải trả khác		120.511.880	9.679.599
Cộng		214.389.561	93.404.052

20. Phải trả dài hạn khác

		31/12/2009	01/01/2009
Trần Thị Sen		754.000.000	-
Phạm Trọng Vinh		377.000.000	-
Cộng		1.131.000.000	-

(*) Khoản tiền vay không lãi suất từ các cá nhân.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

21. Vay và nợ dài hạn

		31/12/2009	01/01/2009
Vay dài hạn ngân hàng	(21.1)	23.057.562.500	10.000.000.000
Nợ dài hạn	(21.2)	18.679.794.344	25.743.802.515
Cộng		41.737.356.844	35.743.802.515
Nợ dài hạn đến hạn trả	(*)	(8.197.537.671)	(7.082.955.671)
Cộng		33.539.819.173	28.660.846.844

(21.1) Chi tiết vay dài hạn ngân hàng:

	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
NH Công Thương - CN Tp.HCM	-	23.057.562.500	-	23.057.562.500
NH TMCP Sài Gòn Công Thương	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Cộng	10.000.000.000	23.057.562.500	10.000.000.000	23.057.562.500

Khoản vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh nhằm mục đích đầu tư xây dựng nhà máy cơ khí Thép SMC theo hợp đồng tín dụng số 09.675003/HĐTD.TDH ngày 30/7/2009 với hạn mức tín dụng là 99 tỷ đồng, lãi suất từ 10,5 %/năm đến 12%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Đến ngày 31/12/2009, số dư nợ vay là 23.057.562.500 đồng.

(21.2) Bao gồm các khoản nợ dài hạn phải trả liên quan đến các hợp đồng thuê tài chính với:

Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	9.833.340.904
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	8.846.453.440
Cộng	18.679.794.344

Tài sản thuê tài chính đã được Công ty chuyển nhượng cho Công ty TNHH Thép SMC với giá chuyển nhượng bằng giá vốn. Các khoản nợ dài hạn liên quan đến các hợp đồng thuê tài chính đến hạn trả là 8.197.537.671 đồng.

22. Lợi ích cổ đông thiểu số

	31/12/2009	01/01/2009
Lợi ích cổ đông thiểu số đầu tư vào Công ty Cổ phần Hải Việt	2.598.899.411	1.959.376.181

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

23. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Đầu năm		Tăng		Giảm		Cuối năm
Nguồn vốn kinh doanh	109.967.770.000	(*)	36.626.860.000		-		146.594.630.000
Thặng dư vốn cổ phần	59.924.599.600		-		-		59.924.599.600
Cổ phiếu quỹ	(142.489.800)				(**)		(142.489.800)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		892.965.346	2.472.562.905	(***)		(1.579.597.559)
Quỹ đầu tư phát triển	13.846.676.717		19.675.884.150				33.522.560.867
Quỹ dự phòng tài chính	3.179.029.868		3.140.724.669				6.319.754.537
Lợi nhuận chưa phân phối	71.422.374.546		72.421.425.531	79.310.660.849			64.533.139.228
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.087.998.024		6.515.356.673	5.259.681.156			2.343.673.541
Cộng	259.285.958.955		139.273.216.369	87.042.904.910			311.516.270.414

(*) Nguồn vốn kinh doanh tăng do trả cổ tức bằng cổ phiếu.

(**) Tính đến thời điểm 31/12/2009, Công ty đã mua lại 6.718 cổ phần với giá mua 21.210 đồng/cổ phần làm cổ phiếu quỹ.

(***) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ đối với các khoản tiền và tương đương tiền, các khoản công nợ ngắn hạn.

Cổ phiếu	31/12/2009	01/01/2009
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	14.659.463	10.996.777
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	14.659.463	10.996.777
- Cổ phiếu thường	14.659.463	10.996.777
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	(6.718)	(6.718)
- Cổ phiếu thường	(6.718)	(6.718)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.652.745	10.990.059
- Cổ phiếu thường	14.652.745	10.990.059
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận lũy kế đến 01/01/2009	71.422.374.546
Lợi nhuận sau thuế phát sinh năm 2009	72.421.425.531
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(6.343.478.597)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	(3.140.724.669)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	(19.675.884.150)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	(329.639.633)
Trả cổ tức năm 2008	(4.396.023.600)
Trả cổ tức năm 2009	(8.798.050.200)
Chia lợi nhuận để tăng vốn kinh doanh	(36.626.860.000)
Lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2009	64.533.139.228

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

24. Doanh thu

	Năm 2009	Năm 2008
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm	5.266.834.564.825	4.211.033.480.037
Doanh thu cung cấp dịch vụ (chủ yếu là dịch vụ cho thuê kho và dịch vụ lắp ráp)	1.654.150.908	4.296.178.855
Cộng	5.268.488.715.733	4.215.329.658.892
- Hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán	(4.821.508.339)	(1.515.312.155)
Cộng	5.263.667.207.394	42.13.814.346.737

25. Giá vốn hàng bán

	Năm 2009	Năm 2008
Giá vốn thép các loại xuất bán trong năm và giá vốn dịch vụ	5.122.783.518.549	4.043.598.492.811

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2009	Năm 2008
Lãi tiền gửi ngân hàng	11.743.470.049	1.163.622.209
Thu lãi ký quỹ	4.300.001.440	8.157.388.332
Lãi bán chứng khoán	13.868.429.285	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.060.011.484	5.192.795.867
Lãi cho vay	3.804.138.937	-
Lãi do chênh lệch tỷ giá	7.140.070.481	7.323.446.626
Doanh thu hoạt động tài chính khác	30.000	10.000.000
Cộng	41.916.151.676	21.847.253.034

27. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2009	Năm 2008
Chi phí lãi vay	23.926.302.288	25.679.280.206
Chi phí dự phòng (hoàn nhập) đầu tư tài chính	(17.031.713.246)	25.091.069.795
Lỗ bán chứng khoán	14.229.623.791	1.520.793.154
Lỗ chênh lệch tỷ giá	12.004.363.385	1.808.788.286
Chi phí tài chính khác (chủ yếu là phí bảo lãnh ngân hàng)	138.053.055	326.036.005
Cộng	33.266.629.273	54.425.967.446

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

28. Chi phí bán hàng

	Năm 2009	Năm 2008
Chi phí nhân viên	11.643.378.333	8.803.401.529
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	153.344.372	127.170.336
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.632.145.822	3.443.530.040
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.182.642.033	24.028.354.212
Chi phí khác bằng tiền	3.403.135.571	2.259.634.189
Cộng	45.014.646.131	38.662.090.306

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2009	Năm 2008
Chi phí nhân viên quản lý	8.752.986.715	5.165.407.686
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	163.538.320	211.231.712
Chi phí khấu hao	1.983.067.380	2.377.470.542
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.117.199.927	6.239.960.852
Dự phòng phải thu khó đòi	-	1.009.351.548
Phân bổ chi phí lợi thế thương mại	1.032.641.000	258.160.447
Chi phí khác bằng tiền	3.421.590.833	3.386.095.015
Cộng	27.471.024.175	18.647.677.802

30. Thu nhập khác

	Năm 2009	Năm 2008
Thuế thu nhập được giảm	397.948.889	203.707.054
Thu nhập do được hỗ trợ phí bảo lãnh	363.333.333	-
Thu tiền bồi thường	125.538.827	727.869.920
Thu nhập bán phế liệu, thanh lý tài sản	5.342.432.874	318.163.500
Thu lãi quá hạn	4.029.943.304	401.169.163
Xử lý tài sản thừa do kiểm kê, công nợ	865.948.207	1.590.098.442
Thu từ hoạt động khác	222.504.081	475.284.898
Cộng	11.347.649.515	3.716.292.977

31. Chi phí khác

	Năm 2009	Năm 2008
Lãi chậm thanh toán	-	120.000.000
Giá trị còn lại của tài sản cố định phá dỡ	-	595.975.000
Xử lý kiểm kê	181.549.859	-
Chi phí lãi chậm nộp thuế TNDN	188.083.583	-
Giá vốn bán phế liệu, tài sản chuyển nhượng	4.213.469.287	97.110.000
Chi phí khác	85.282.569	292.530.209
Cộng	4.668.385.298	1.105.615.209

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

32. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2009	Năm 2008
(*) Bao gồm:	(*) 10.828.979.859	10.856.998.606
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh		Năm 2009 82.781.731.348
Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền thuê đất		1.108.197.272
Tổng thu nhập kế toán trước thuế		83.889.928.620
- Cộng các khoản chi phí không hợp lệ		228.766.625
- Cộng chi dự phòng đầu tư cổ phiếu không giao dịch trên thị trường năm 2009		6.980.133.100
- Cộng lỗ mang sang		(301.559.549)
- Cộng phân bổ lợi thế thương mại khi hợp nhất		1.032.641.000
- Cộng lỗ chưa thực hiện năm 2008		1.546.162.934
- Trừ lãi chưa thực hiện năm 2009		4.274.552.206
- Trừ chi dự phòng đầu tư cổ phiếu không giao dịch trên thị trường năm 2008		(19.756.678.900)
- Trừ thuế TNDN được giảm quý IV Năm 2008		(397.948.889)
- Trừ cổ tức, lợi nhuận được chia		(1.223.134.261)
- Tổng thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh		75.164.665.614
- Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh (25%)		18.791.166.404
- Thuế TNDN được giảm ước tính		(11.005.170.909)
- Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động kinh doanh (a)		7.785.995.495
- Tổng thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng đất		1.108.197.272
- Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng đất (b)		277.049.318
- Thuế TNDN tạm nộp bổ sung liên quan đến chi phí dự phòng cổ phiếu không giao dịch trên thị trường năm 2008 (c)		2.765.935.046
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp ước tính (a) + (b) + (c)		10.828.979.859

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2009	Năm 2008
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	72.421.425.531	71.973.395.801
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	72.421.425.531	71.973.395.801
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.555.481	10.820.553
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.768	6.652

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. Thông tin khác

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ tài chính

Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



NGUYỄN VĂN LÂM
Kế toán trưởng
Ngày 08 tháng 02 năm 2010



NGUYỄN NGỌC ANH
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI SMC

396 Ung Văn Khiêm, P. 25, Q. Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 84-8-38992299

Fax: 84-8-3898 0908 / 84-8-38980909

Email: smc@smc.vn * Website: www.smc.vn

Designed+Produced by

